

Số : 688/TB-CĐTD-HDQT

Thành phố.Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 05 năm 2017



THÔNG BÁO MỜI HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm **2017**

Kính gửi : Quý vị cổ đông Công Ty CP Cơ Điện Thủ Đức

Hội Đồng Quản trị Công Ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức
trân trọng thông báo:

1. Mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công Ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức :

- Thời gian: **08 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 05 năm 2017 (Thứ Bảy).**
- Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức
Km 9 xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức TPHCM
- Điều kiện tham dự Đại hội cổ đông: Tất cả các cổ đông nắm giữ cổ phần của Công Ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức tại thời điểm **chốt danh sách về ngày đăng ký cuối cùng 18/04/2017** (theo danh sách của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam - CN.Tp.HCM cung cấp)

2. Nội dung Đại hội:

- Thông qua báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.
- Thông qua phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.
- Thông qua báo cáo thay đổi mục đích sử dụng vốn phát hành.
- Thông qua một số vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Thủ tục tham dự Đại hội :

Cổ đông khi đến tham dự Đại hội vui lòng mang theo Thư mời, giấy CMND hoặc hộ chiếu; người được ủy quyền mang theo giấy ủy quyền hợp lệ và thư mời họp của người ủy quyền (Thư mời sẽ được gửi đến từng cổ đông theo địa chỉ đã đăng ký theo danh sách chốt ngày đăng ký cuối cùng 18/04/2017 do VSD cung cấp. Thư mời này thay thế cho Thư mời gửi đến từng cổ đông trong trường hợp Thư mời không đến được Cổ đông qua đường bưu điện) .

4. Tài liệu họp Đại hội và các văn bản liên quan được đăng tải trên website của Công Ty tại địa chỉ:
www.codientd.com (mục Tin tức/ Quan hệ Cổ đông),

5. Để thuận tiện trong công tác tổ chức Đại hội, Đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 **trước 16 giờ 30 phút ngày 23/05/2017 về:**

* Công ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức - Phòng Tổ chức Hành Chính

* Điện thoại: **08 22144647** hoặc liên hệ Anh Sỹ **0977350142**, Anh Thảo **0919122563**.

Trân trọng kính báo./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Ủy Ban chứng khoán NN (B/c);
- Sở GD&ĐT.TP.HCM (B/c);
- Đăng tin trên báo.
- Thông báo trên Website Công Ty;
- Lưu TCHC .

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN MINH QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



_____, ngày ____ tháng ____ năm 2017

GIẤY XÁC NHẬN

**Về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của
Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức**

Tên (cá nhân, tổ chức):

Địa chỉ:

Số CMND:; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....

Số đăng ký kinh doanh:

Điện thoại :.....; Số Fax:; Email:

Mã số cổ đông :.....; sở hữu số cổ phần:.....

Xác nhận đăng ký sẽ tham dự trực tiếp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 vào ngày 27/05/2017 của Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.

Tên cổ đông
(Ký & ghi rõ họ tên)

Ghi chú : Trường hợp không thể gửi bản xác nhận này đến Công Ty (fax : 08.38963159), đề nghị Quý vị cổ đông báo trực tiếp cho Phòng Tổ chức Hành Chính Công Ty (theo số máy ĐT : 08.22144647).

Xin cảm ơn !

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

(DÀNH CHO CÁ NHÂN)

_____, ngày ____ tháng ____ năm 2017

GIẤY ỦY QUYỀN
Về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của
Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức

Tên tôi là : -----

Địa chỉ : -----

Số CMND : -----, ngày cấp -----, nơi cấp -----

Điện thoại : -----, Fax -----, Email -----

Mã số cổ đông -----, sở hữu số cổ phần -----

Do không có điều kiện tham gia trực tiếp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức, nay tôi

ĐỒNG Ý ỦY QUYỀN CHO:

Ông (Bà) : -----

Địa chỉ : -----

Số CMND : -----, ngày cấp -----, nơi cấp -----

Điện thoại : -----, Fax -----, Email -----

Thay mặt tôi tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức, với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi đang sở hữu.

Ông (Bà): ----- có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung quy chế làm việc của Đại hội, không được ủy quyền lại cho người thứ ba và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội cho người ủy quyền.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

Người được ủy quyền
(Ký & ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền
(Ký & ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
(DÀNH CHO TỔ CHỨC)



_____, ngày ____ tháng ____ năm 2017

GIẤY ỦY QUYỀN
Về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức

Tên tổ chức ủy quyền: -----

Địa chỉ: -----

Điện thoại: ----- , Fax ----- , Email -----

Số đăng ký kinh doanh: -----

Số tài khoản: -----

Mã số cổ đông ----- , sở hữu số cổ phần -----

Do không có điều kiện tham gia trực tiếp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức, nay chúng tôi

ỦY QUYỀN CHO:

Ông (Bà) : -----

Địa chỉ : -----

Số CMND : ----- , ngày cấp ----- , nơi cấp -----

Điện thoại : ----- , Fax ----- , Email -----

Thay mặt tổ chức tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức, với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà đơn vị chúng tôi đang sở hữu .

Ông (Bà): ----- có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung quy chế làm việc của Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội cho người ủy quyền.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

Người được ủy quyền
(Ký & ghi rõ họ tên)

Tổ chức ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên ,chức vụ và đóng dấu)

MỤC LỤC TÀI LIỆU

- 1. Chương trình Đại hội.**
 - 2. Quy chế làm việc tại Đại hội.**
 - 3. Thể lệ biểu quyết.**
 - 4. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.**
 - 5. Báo cáo thẩm định hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty trong năm 2016 của Ban kiểm soát.**
 - 6. Tờ trình của Hội đồng Quản trị về việc biểu quyết thông qua các chỉ tiêu trong kế hoạch SXKD năm 2016 – chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017.**
 - 7. Tờ trình của Hội đồng Quản trị về việc trích Quỹ thưởng Ban Quản lý Điều hành Công ty trong năm tài chính 2017.**
 - 8. Tờ trình của Hội đồng Quản trị về việc tiền lương của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc; mức thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017.**
 - 9. Tờ trình của Ban kiểm soát về việc đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2017.**
 - 10. Trích Báo cáo tài chính năm 2016 (đã kiểm toán) của CTCP Cơ Điện Thủ Đức.**
-

CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

(Bắt đầu từ 8 giờ 00, ngày 27/05/2017 tại Hội trường Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức)

THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
8 giờ 00' - 8 giờ 30'	➤ Tiếp đón + kiểm tra tư cách cổ đông và đón đại biểu, khách mời.	Ban Tổ chức
8 giờ 30' - 8 giờ 50'	➤ Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu • Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông (tư cách tham dự, số lượng có mặt, vắng mặt, cổ phần đại diện...); • Thông qua Thể lệ biểu quyết; • Giới thiệu Chủ tịch đoàn, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu. ➤ Thông qua Chương trình Đại hội .	Ban Tổ chức Chủ tọa Đoàn
8 giờ 50' - 9 giờ 50'	➤ Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.	Chủ tọa Đoàn
9 giờ 50' - 10 giờ 00'	➤ Báo cáo kiểm soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của Ban kiểm soát.	Ban kiểm soát
10 giờ 00' - 10 giờ 05'	➤ Các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông:	Chủ tọa Đoàn
10 giờ 05' - 10 giờ 20'	Đại hội nghỉ giải lao	Ban Tổ chức
10 giờ 20' - 10 giờ 50'	➤ Chủ tịch đoàn tiếp thu, giải đáp một số câu hỏi của cổ đông/nếu có	Chủ tọa Đoàn
10 giờ 50' - 10 giờ 55'	➤ Đại hội biểu quyết thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 2016- Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017- Phương án phân chia lợi nhuận, cổ tức.	Chủ tọa Đoàn
10 giờ 55' - 11 giờ 00'	➤ Thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị về Tiền lương, thù lao của Chủ tịch HĐQT, TGD, thành viên HĐQT, BKS trong năm tài chính 2017	Chủ tọa Đoàn
11 giờ 00' - 11 giờ 05'	➤ Thông qua Tờ trình của Ban kiểm soát về chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2017	Ban Kiểm soát
11 giờ 05' - 11 giờ 10'	➤ Thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị về trích Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty trong năm tài chính 2017.	Chủ tọa Đoàn
11 giờ 10' - 11 giờ 20'	Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông & Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ;	Ban Thư ký
11 giờ 20' - 11 giờ 30'	Kết luận, tuyên bố bế mạc Đại hội Chào cờ bế mạc.	Chủ tọa Đoàn- Ban Tổ chức

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CTCP CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

.....

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-CTĐD-HĐQT ngày 03/04/2017 của HĐQT Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức về việc thông qua nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty ;

Để Đại hội làm việc đạt kết quả cao, thực hiện theo chương trình kế hoạch và những quy định của Điều lệ hoạt động Công ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức. Hội đồng quản trị (sau đây gọi tắt là: “HĐQT”) Công ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức xây dựng quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 với những nội dung cụ thể như sau:

Mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành công.

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng :

1. Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐTN) năm 2017 của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”)
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng :

Tất cả các cổ đông của Công ty và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại quy chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Thành phần tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017:

Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty trong danh sách cổ đông chốt ngày **18/04/2017 (ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo của VSD).**

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông :

4.1 Quyền của các cổ đông khi tham dự Đại hội :

- 4.1.1. Tất cả các cổ đông của công ty đều có quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 4.1.2. Trường hợp không thể tham dự Đại hội, cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Việc ủy quyền này phải được lập thành văn bản theo mẫu đính kèm theo Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty;
- 4.1.3. Ngoài các tài liệu được phát trong Đại hội, mỗi cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông còn được phát 01 Phiếu biểu quyết (*phiếu bầu*), trên đó có ghi mã số cổ đông cùng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó nắm giữ hoặc được ủy quyền. Phiếu biểu quyết này được sử dụng khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề đã được thảo luận và/hoặc xin ý kiến Đại hội;
- 4.1.4. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

4.2. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội:

- 4.2.1. Trang phục của cổ đông đến tham dự đại hội đảm bảo tính lịch sự, trang trọng ;
- 4.2.2. Tham gia đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Công ty. Trường hợp không đi được phải thực hiện ủy quyền cho người đại diện tham gia theo đúng quy định;
- 4.2.3 Các cổ đông hay đại diện cổ đông tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội;
- 4.2.4 Tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này;
- 4.2.4 Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội :

- 5.1 Chủ tọa là Chủ tịch HĐQT hoặc là người được Chủ tịch HĐQT Ủy quyền, giữ vai trò là người chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời Người được ủy quyền phải là thành viên trong HĐQT.

5.2 Chủ tọa Đại hội có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Điều khiển Đại hội thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự
- b) Khi có những sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội cổ đông, Chủ tọa sẽ bàn bạc với những thành viên khác trong Ban Tổ chức (trước khi Đại hội bắt đầu), Đoàn chủ tịch (trong quá trình diễn ra Đại hội) để tìm ra cách thức giải quyết. Tuy nhiên, trong trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau, ý kiến nào có sự ủng hộ của Chủ tọa sẽ mang tính quyết định;
- c) Có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông dự họp;
- d) Có quyền trì hoãn Đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội, nếu nhận thấy rằng:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối mất trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch :

6.1 Đoàn chủ tịch: Là thành viên HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty.

6.2 Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:

- a) Là cơ quan cao nhất điều hành các công việc tại Đại hội;
- b) Hướng dẫn và giải đáp các thắc mắc của cổ đông về các vấn đề nêu ra trong nội dung chương trình đại hội;
- c) Điều hành và chủ trì việc biểu quyết thông qua các vấn đề được nêu trong đại hội theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội :

7.1 Thư ký Đại hội đồng cổ đông do Ban Chủ tọa chỉ định và được Đại hội đồng cổ đông thông qua, có nhiệm vụ hỗ trợ Ban Chủ tọa điều hành Đại hội được thành công, ghi nhận và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;

- 7.2 Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;
- 7.3 Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chủ tọa phân công trong thời gian Đại hội tạm nghỉ.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và Ban Kiểm phiếu :

- 8.1 Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức đại hội thành lập, có trách nhiệm:
- a) Lập danh sách cổ đông tham dự đại hội và niêm yết tại nơi diễn ra đại hội.
 - b) Thu và kiểm tra các giấy mời họp, giấy uỷ quyền tham dự đại hội.
 - c) Kiểm tra cổ đông đi dự có đầy đủ và đúng thành phần không.
 - d) Lập báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông để đọc trước đại hội.
 - e) Phát tài liệu họp và thẻ biểu quyết cho các cổ đông trước khi vào hội trường.
- 8.2 Ban Kiểm phiếu do Ban chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Ban Kiểm phiếu có 03 thành viên do Chủ tọa giới thiệu để đại hội biểu quyết thông qua.
- Những người tham gia Ban kiểm phiếu không đồng thời là Thư ký Đại hội. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc biểu quyết, tổ chức kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước đại hội, sau đó nộp Biên bản cho Chủ tọa đại hội.
- Ban Kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội :

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông mời dự họp khi quyết định triệu tập Đại hội

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội

- 10.1 Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày.
- 10.2 Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông.
- 10.3 Trình tự tiến hành Đại hội (theo Chương trình Đại hội)

Điều 11. Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

- 11.1 Các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội chỉ có giá trị khi có số cổ đông sở hữu và đại diện sở hữu **từ 51%** trở lên có tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông có mặt dự họp chấp thuận.
- 11.2 Đối với các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ sẽ chỉ được thông qua khi có **từ 65%** trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt dự họp tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 12. Xử lý trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông không thành

- 12.1 Trường hợp trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp mà không có đủ số lượng đại biểu cổ đông cần thiết quy định tại **Điều 9** quy chế này thì đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không thành.
- 12.2 Đại hội lần 2 phải tổ chức trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đại hội lần 1 không thành công. và điều kiện để đại hội lần 2 tổ chức thành công khi cổ đông sở hữu **33%** số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự. Nếu đại hội lần 2 không thành công thì công ty tổ chức đại hội lần 3. Lần 3 tổ chức trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày đại hội lần 2 không thành công và lần này không phụ thuộc vào tỷ lệ của các cổ đông.
- 12.3 Trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 lần này, bất kỳ số lượng cổ đông nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty.

Điều 13. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017:

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 phải được Thư ký Đại hội lập thành biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào sổ biên bản của công ty.

CHƯƠNG IV

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 14. Một số quy định khác :

- 14.1 Cổ đông tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội (theo hình thức gửi phiếu đặt câu hỏi cho Chủ tọa Đoàn). Cổ đông nêu ý kiến cần phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần

trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của đại hội đã được thông qua. Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu tại Đại hội theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông;

- 14.2 Cổ đông sẽ bị Đoàn Chủ tịch đại hội truất quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông khi cổ tình không chấp hành các quy định của đại hội, có hành vi gây rối, làm mất trật tự hoặc có hành động gây ảnh hưởng trực tiếp đến công tác điều hành Đại hội.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực của Quy chế :

Quy chế này bao gồm **5 chương, 15 điều** và được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty diễn ra vào ngày 27 tháng 05 năm 2017 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**T/M.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN MINH QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2017

QUY ĐỊNH

**Thế lệ biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
thường niên năm 2017 Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp lần thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của CTCP Cơ điện Thủ Đức ;

- Theo đề nghị của Ban Tổ chức cuộc họp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

Quy định này được áp dụng để các cổ đông và đại diện theo uỷ quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2017 Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức biểu quyết thông qua những vấn đề cần biểu quyết tại cuộc họp.

Điều 2. Số quyền biểu quyết

Mỗi cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền của cổ đông đến dự họp có tổng số quyền biểu quyết tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.

Điều 3. Thông qua Quyết định và Nghị quyết

Các Quyết định và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty đều được biểu quyết công khai và trực tiếp tại cuộc họp.

Các Quyết định và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông chỉ được thông qua khi được số cổ đông và đại diện được uỷ quyền của cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số quyền biểu quyết của tất cả cổ đông và đại diện theo uỷ quyền của cổ đông dự họp chấp thuận; riêng việc tăng vốn điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, tỷ lệ này phải bằng hoặc lớn hơn 65% tổng số quyền biểu quyết của tất cả cổ đông và đại diện được uỷ quyền của cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 4. Thế lệ biểu quyết

1. Thế biểu quyết:

a) Mỗi cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền cổ đông khi đến đăng ký dự họp được nhận một (01) “ Phiếu biểu quyết” đã được in sẵn và có đóng dấu của Công ty. Trên

“Phiếu biểu quyết” có ghi tên của cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền của cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông, số đăng ký sở hữu cổ phần.

b) “Phiếu biểu quyết” sẽ được sử dụng để biểu quyết tại cuộc họp các nội dung:

- Nội dung chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Qui định thể lệ biểu quyết;
- Qui chế làm việc tại Đại hội
- Danh sách Chủ tọa Đoàn, Thư ký Đoàn, Ban kiểm phiếu;
- Biên bản cuộc họp của ĐHĐCĐ;
- Nghị quyết cuộc họp của ĐHĐCĐ;
- Các Tờ trình hoặc vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

c) Kết quả kiểm phiếu bằng “Phiếu biểu quyết” xác định bằng cách đếm biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và không có ý kiến.

d) Phiếu biểu quyết hợp lệ là Phiếu chỉ biểu quyết 1 lần cho 01 nội dung (tán thành, không tán thành, hoặc không có ý kiến). Phiếu biểu quyết không hợp lệ là Phiếu biểu quyết hơn 1 lần với cùng 1 nội dung.

2. Chủ tọa và Ban kiểm phiếu sẽ hướng dẫn cổ đông/ đại diện theo uỷ quyền của cổ đông sử dụng “Phiếu biểu quyết” để biểu quyết những nội dung trong cuộc họp.

3. Những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền cổ đông dự họp, nhận “Phiếu biểu quyết” và cần tham gia biểu quyết. Khi cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền của cổ đông không thể tham gia biểu quyết được, đề nghị chuyển giao lại “Phiếu biểu quyết” và thực hiện uỷ quyền biểu quyết cho Chủ tọa cuộc họp hoặc cổ đông/đại diện theo uỷ quyền của cổ đông dự họp. Nếu không chuyển giao lại “Phiếu biểu quyết” và thực hiện uỷ quyền biểu quyết cho Chủ tọa cuộc họp hoặc cổ đông/đại diện theo uỷ quyền của cổ đông dự họp thì được xem là cổ đông/đại diện theo uỷ quyền của cổ đông đó biểu quyết tán thành với vấn đề cần biểu quyết.

4. Kết quả biểu quyết được Ban kiểm phiếu ghi thành biên bản và được công bố kết quả biểu quyết tại cuộc họp.

5. Những thắc mắc về kết quả biểu quyết (nếu có) phải được phản ánh để chủ tọa xem xét, giải quyết ngay tại cuộc họp.

Điều 5. Ban kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu gồm 03 (ba) thành viên do Chủ tịch đoàn đề cử và ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua để giúp chủ tọa cuộc họp điều khiển công tác bầu cử và việc biểu quyết theo Quy định này. Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực về kết quả bầu cử, kết quả biểu quyết; nếu sai phạm Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm.

Tùy tình hình cụ thể, Chủ tịch đoàn có thể cử một số người hỗ trợ cho Ban Kiểm phiếu.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức thông qua tại cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên ngày 27/05/2017./.

**TM. CHỦ TỊCH ĐOÀN
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Minh Quang

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2017

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
(trình tại Đại hội cổ đông thường niên 2017)

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế số: 0301824508.
- Vốn điều lệ: 114.730.000.000 đồng (Một trăm mười bốn tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 114.730.000.000 đồng (Một trăm mười bốn tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng).
- Địa chỉ: Km số 9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 08.22144647, Số fax: 08.38.963159
- Website: www.codientd.com
- Email: codientd@vnn.vn
- Mã cổ phiếu: EMC

Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức tiền thân là Nhà Máy Sửa Chữa Cơ Điện - là một doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Công ty Điện lực 2, được thành lập từ năm 1976. Năm 1996 đổi tên thành Nhà Máy Cơ Điện. Đến tháng 6/1999, tách khỏi Công Ty Điện Lực 2 và trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện Lực Việt Nam), được thành lập theo Quyết định số 31/1999/QĐ-BCN ngày 03/06/1999 của Bộ Công nghiệp Việt Nam, và đổi tên thành Công ty Cơ điện Thủ Đức.

- Theo Quyết định số 337/QĐ-BCN, ngày 26/01/2007 của Bộ Công nghiệp; Quyết định số 1092/QĐ-BCT ngày 15/10/2007 của Bộ Công Thương Công Ty Cơ Điện Thủ Đức được duyệt phương án cổ phần hoá chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước sang hoạt động theo mô hình Công Ty cổ phần.

- Sau khi tổ chức Đại hội cổ đông thành lập, ngày 02/01/2008, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công Ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức đã chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công Ty cổ phần, trong đó Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (EVN) giữ 40,05 % vốn điều lệ (đến thời điểm 31/12/2016).

- Ngày 29/11/2012, theo Quyết định chấp nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số: 128/QĐ-SGDHCM, ngày 31/8/2012 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, CTCP Cơ điện Thủ Đức đã chính thức đăng ký niêm yết 8.073.000 cổ phiếu của Công ty giao dịch chứng khoán trên sàn TP.HCM (HoSE), với mã chứng khoán EMC.

- Năm 2016, Theo giấy chứng nhận số 10/GCN-UBCK ngày 04/02/2016, Công ty Công ty phát hành thành công 3.400.000 cổ phần ra công chúng và đã niêm yết bổ sung trên HOSE. Đồng thời, Công ty cũng đã tiến hành thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 5 ngày 20/06/2016 tăng vốn điều lệ từ 80.730.000.000 đồng lên 114.730.000.000 đồng

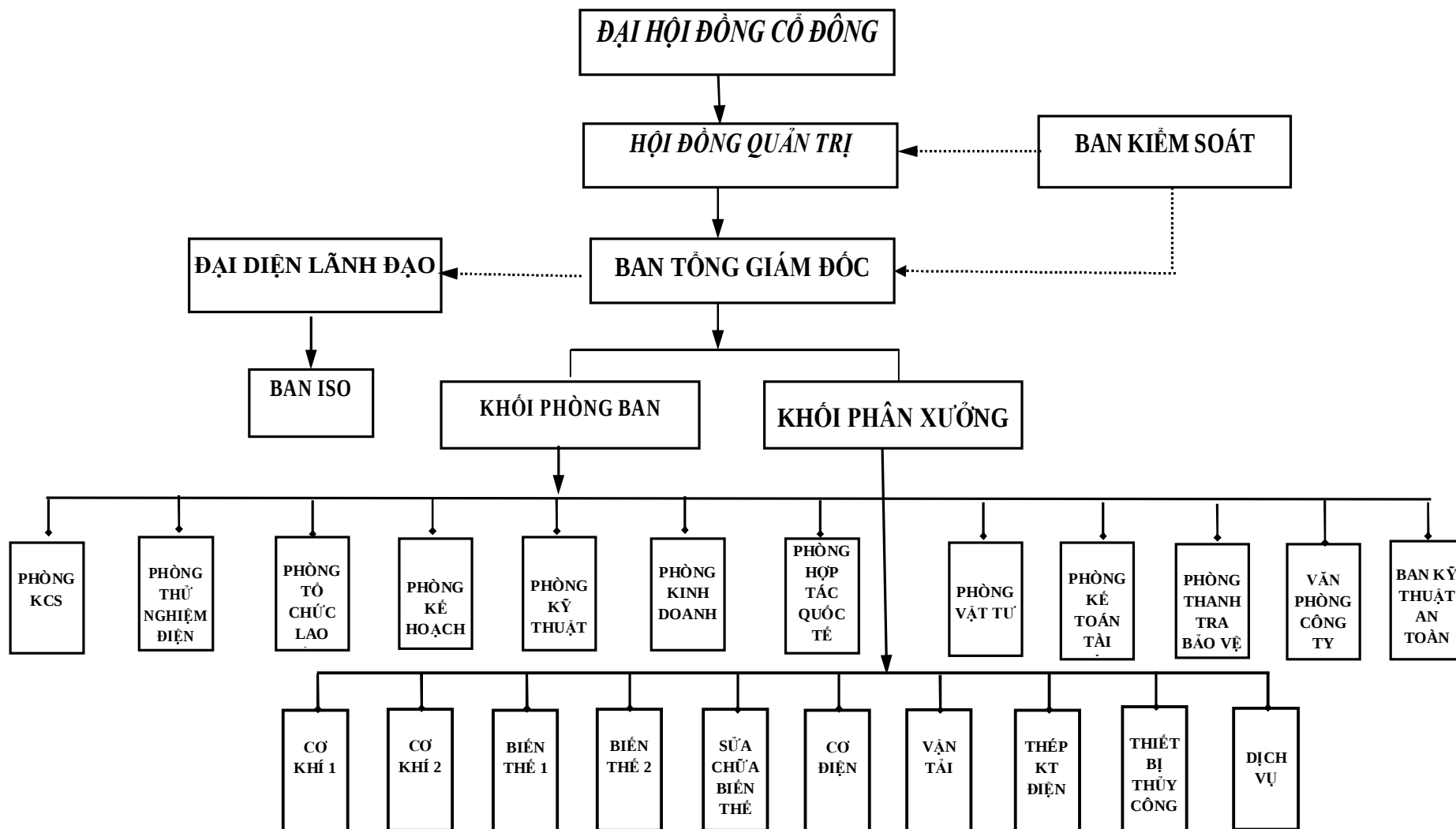
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh: Chế tạo máy biến áp, chế tạo phụ tùng cho các nhà máy điện, phụ kiện đường dây và trạm điện, tủ bảng điện các loại; Thí nghiệm và sửa chữa thiết bị điện; Gia công cơ khí, sản xuất trụ điện thép và giá đỡ thiết bị đến 500KV; Kinh doanh và XNK máy biến áp, các phụ tùng, thiết bị điện. Sửa chữa, lắp đặt các tổ máy phát điện Diesel; Xây lắp công trình điện công nghiệp và dân dụng đến cấp điện áp 220KV; Kinh doanh thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông, kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa. Kinh doanh khách sạn; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi; Sản xuất cáp điện, dây điện từ các loại; Khai thác, xây dựng công trình nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Kinh doanh bất động sản...

2.2. Địa bàn kinh doanh: Công ty có địa bàn hoạt động kinh doanh trên phạm vi cả nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

*** Cơ cấu bộ máy quản lý: (TRƯỚC KHI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TÁI CƠ CẤU BỘ MÁY TỔ CHỨC)**



4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

* Mục tiêu của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh theo các chức năng kinh doanh của Công ty nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, thực hiện các công tác xã hội và phát triển Công ty ngày càng phát triển bền vững, cụ thể:

- Đẩy mạnh công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư để phát triển các sản phẩm, hàng hóa trong nước sản xuất được.
- Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, nâng cao quy mô, năng suất và chất lượng sản phẩm.
- Coi trọng và ưu tiên mọi nguồn lực của Công ty cùng với sự quan tâm của Nhà nước, các cấp Bộ ngành để đầu tư xây dựng mới, cải tạo nhà xưởng, mua sắm các thiết bị công nghệ mới hiện đại phục vụ cho công tác thiết kế, chế tạo thử nghiệm sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm đã sản xuất được và phát triển nhiều sản phẩm mới, đặc biệt là máy biến áp phân phối siêu tổn thất và máy biến áp lực dung lượng tới 63MVA – điện áp 110KV.
- Liên kết với các đối tác nước ngoài, từng bước đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến nhất để chế tạo các loại sản phẩm có chất lượng cao mà trong nước chưa sản xuất được. Nhập khẩu các công nghệ và thiết bị sản xuất hiện đại phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả.

4.2. Chiến lược phát triển trung, dài hạn:

- Đầu tư công nghệ và trang bị thêm thiết bị hiện đại, đẩy mạnh công tác nghiên cứu sản phẩm mới có chất lượng phù hợp với đa dạng đối tượng khách hàng trên cơ sở phát triển nguyên vật liệu sẵn có trong nước. Cải tiến, nâng cấp mẫu mã, chất lượng và nhãn mác sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước.
- Mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm trong nước và ngoài nước, tập trung đầu tư vào các vùng thị trường còn thiếu, còn yếu. Nâng cao thị phần cung cấp thiết bị cơ khí- thiết bị điện trong cả nước và tăng cường công tác xuất khẩu. Từng bước áp dụng phương thức phân phối hiện đại kết hợp hệ thống phân phối truyền thống hiện có. Chú trọng vào công tác chống giả mạo, mượn danh nghĩa và bảo vệ thương hiệu EMC của Công Ty.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất và năng lực cạnh tranh để tiến tới xuất khẩu sản phẩm.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng tập trung vào công tác hỗ trợ khách hàng và thực hiện tốt dịch vụ hậu mãi; có chiến lược kinh doanh linh hoạt, nhất là đối với những khách hàng có doanh thu tốt đảm bảo chính sách bán hàng của Công ty trong từng thời kỳ.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Tiếp tục thực hiện và duy trì tốt hệ thống quản lý lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Tích cực tham gia bảo vệ môi trường bằng cách sử dụng những nguyên vật liệu sạch, thân thiện với môi

trường; đồng thời hoàn thiện, nâng cấp hệ thống trang thiết bị xử lý hệ thống nước thải, vệ sinh môi trường. Duy trì các hoạt động xã hội và hợp tác chặt chẽ với các đơn vị, khách hàng, để công tác phục vụ cộng đồng và người dân ngày càng tốt hơn .

II. Tình hình hoạt động trong năm 2016:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	253.524	318.195	276.729
2	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	3.816	4.954	736
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.260	3.007	1.296
4	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty.	3.260	3.007	1.296
<i>Tốc độ tăng trưởng</i>				
1	Tăng trưởng doanh thu thuần	-2%	26%	-13%
2	Tăng trưởng lợi nhuận HĐKD	226%	30%	-85%
3	Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	317%	-8%	-57%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014-2016

Trong năm 2016 tình hình kinh tế trong nước ổn định, tiếp tục được cải thiện, đã khép lại với niềm hi vọng sáng. Với những nỗ lực ổn định vĩ mô, cải cách thể chế, thủ tục hành chính nhằm nâng cao môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh quốc gia, nền kinh tế Việt Nam đang phục hồi mạnh mẽ sẵn sàng cho quá trình hội nhập sâu rộng. Mặc dù viễn cảnh trước mắt có thể thuận lợi nhưng còn tồn tại những rủi ro đối với tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Dư nợ dự phòng lớn trong khu vực công, khiến cho nợ công tăng nhanh đến mức không còn bền vững. Khó khăn của nền kinh tế trong nước và ngành sản xuất cơ khí nói riêng, đã có ảnh hưởng đến sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất thiết bị cơ khí điện như Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức. Tuy nhiên, bằng nỗ lực của tập thể người lao động, sự quyết tâm của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, Công ty đã linh hoạt vận dụng các chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp tại từng thời điểm để cố gắng đạt kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Năm 2016, nhiều yếu tố trong giá thành phải điều chỉnh tăng theo quy định của nhà nước (như: giá tiền điện, lương tối thiểu để trích đóng BHXH-BHYT, tiền thuế Chính phủ về nhà đất ...) làm ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí giá vốn chung của các doanh nghiệp.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn như đã nêu, nhưng Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức đã nỗ lực cố gắng vượt qua, đã thực hiện nhiều giải pháp kinh tế kỹ thuật, giảm chi phí để bù đắp những chi phí gia tăng. Cụ thể, kết quả kinh doanh đã đạt được:

- Lợi nhuận sau thuế của công ty chỉ đạt 1.296 triệu đồng, giảm 57% so với năm 2015.
- Đạt 40% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. (1.296/3.200 triệu đồng).

Nguyên nhân dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế không đạt: Do doanh thu bán hàng năm 2016 giảm 41,47 tỷ đồng so với năm 2015, chỉ bằng 87% so với năm 2015, chi phí quản lý tăng (do chi phí trợ cấp nghỉ việc cho người lao động tăng cao so với các năm trước, sau khi Công ty thực hiện chương trình tái cơ cấu, sắp xếp lại lực lượng lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả...). Vì vậy, lợi nhuận sau thuế năm 2016 cũng giảm đáng kể.

1.2. Tình hình biến động các khoản chi phí:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016
1	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	207.342	267.359	231.121
2	Chi phí bán hàng	12.902	13.006	16.153
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.553	18.435	19.392
4	Chi phí tài chính	13.379	14.647	9.967
5	Chi phí khác	3.397	2.096	176
	Tổng chi phí	250.573	315.543	276.809
<i>Tỷ trọng trên doanh thu thuần</i>				
1	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp/DTT	83%	84%	84%
2	Chi phí bán hàng/DTT	5%	4%	6%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp/DTT	5%	6%	7%
4	Chi phí tài chính/DTT	5%	5%	4%
5	Chi phí khác/DTT	1%	1%	0%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

+ Ông: BÙI PHƯỚC QUĂNG

Tổng Giám đốc

+ Ông: LÊ ĐÌNH KIẾT

Phó Tổng Giám đốc (đã nghỉ việc từ 30/12/2016)

- + Ông: NGUYỄN TRI ÂN *Phó Tổng Giám đốc (đã nghỉ hưu từ 11/06/2016)*
- + Ông: HUỖNH VĨNH PHÚ *Phó Tổng Giám đốc*
- + Ông: PHÙNG QUANG KHANG *Phó Tổng Giám đốc*
- + Bà: VƯƠNG THỊ BẢO GIANG *Kế toán trưởng*

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Trong năm 2016, nhân sự trong Ban Tổng Giám đốc có 01 Phó Tổng Giám đốc nghỉ hưu và 01 Phó Tổng Giám đốc nghỉ việc; Công ty đã bổ sung thêm 02 Phó Tổng Giám đốc mới, để hoàn thiện cơ cấu Ban Tổng Giám Đốc:

+ Ngày 11/06/2016, Ông Huỳnh Vĩnh Phú được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty.

+ Ngày 11/06/2016, Ông Phùng Quang Khang được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Lao động tại thời điểm 31/12/ 2016 là: 169 người

Trong đó:

- + Trên Đại học: 04
- + Đại học: 54
- + Cao đẳng, trung cấp: 14
- + Công nhân kỹ thuật: 79
- + Lái xe: 15
- + Khác: 03

- Chính sách đối với người lao động:

*** Chính sách đào tạo:**

Công ty luôn quan tâm đến công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, hằng năm Công ty đều xây dựng kế hoạch đào tạo cho CBCNV và triển khai thực hiện nghiêm túc, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, trình độ chuyên môn- nghiệp vụ của CBCNV, phục vụ yêu cầu phát triển Công ty ổn định, bền vững .

*** Chính sách tiền lương, thưởng:**

- Công ty xây dựng quy chế trả lương, thưởng, hệ thống thang bảng lương và phụ cấp riêng phù hợp với ngành nghề hoạt động, đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, tương xứng với trình độ, công việc, năng lực và mức độ đóng góp cũng như sáng tạo của từng người, tạo được sự công bằng, động viên, khuyến khích CBCNV hăng say làm việc, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

*** Các chế độ, chính sách khác với người lao động:**

+ Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

+ Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp hằng năm cho CBCNV để phát hiện bệnh lý kịp thời chăm sóc và điều trị.

+ Công ty rất quan tâm đến môi trường và điều kiện làm việc của người lao động: trang bị đầy đủ phương tiện làm việc, bảo hộ lao động, áp dụng các biện pháp chống nóng, giảm bụi, giảm tiếng ồn, phụ cấp cho người lao động trong môi trường nặng nhọc, độc hại...

3. Tình hình tài chính:

3.1. Tình hình tài chính:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	291.646	297.768	1,02%
Doanh thu thuần	318.195	276.729	(13,21%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.954	736	(85,14%)
Lợi nhuận khác	(777)	819	206,41%
Lợi nhuận trước thuế	4.176	1.555	(62,76%)
Lợi nhuận sau thuế	3.007	1.296	(56,90%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	57,14%	0%	(100%)

3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,22	1,45	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	0,31	0,38	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	70,51%	59,69%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	239,15%	148,19%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	1.6	1.24	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,09	0,93	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,95%	0,48%	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3,48%	1,30%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,03%	0,46%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,56%	0,27%	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

4.1. Cổ phần tại thời điểm ngày 31/12/2016, cơ cấu vốn điều lệ của Công ty như sau:

* Tổng số cổ phần: **11.473.000** (Mười một triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn cổ phần).

* Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

* Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 11.031.358 cổ phần.

* Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 441.642 cổ phần (bị hạn chế đến ngày 24/05/2017).

4.2. Cơ cấu cổ đông:

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

STT	Loại hình sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước: Tập đoàn điện lực Việt Nam.	4.595.222	40,05%	1	1	
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI					
	- Trong nước					
	- Nước ngoài					
3	Cổ đông lớn:	2.376.689	20,72%	1		1
	- Trong nước	2.376.689	20,72%	1		1
	- Nước ngoài					
4	Cổ đông nhỏ:	4.501.089	39,23%	712	5	707
	- Trong nước	4.501.089	39,23%	712	5	707
	- Nước ngoài					
	Tổng cộng	11.473.000	100%	714	6	708

(Ghi chú: Theo danh sách cổ đông chốt tại thời điểm ngày 08/12/2016 do VSD cung cấp)

4.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2016, Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức đã phát hành 3.400.000 cổ phần chào bán ra công chúng để tăng vốn điều lệ Công ty từ 80.730.000.000 đồng lên 114.730.000.000 đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

5.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Bao gồm gỗ và giấy, tổng giá trị không lớn chiếm dưới 0,5% giá thành.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *Không có*.

5.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ:

- Tổng số năng lượng tiêu thụ trực tiếp trong năm 2016 khoảng: 780.000 Kw/h.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: *Không có*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: *Không có*.

5.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức cung cấp; Tiêu thụ bình quân: 40 m³/ngày.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không có*.

5.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn chịu sự kiểm tra và giám sát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về môi trường. Công ty cũng đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 20m³/ngày. Trong năm 2016, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

5.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động bình quân năm 2016: 321 người, với mức lương trung bình đối với người lao động: 7.800.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Hằng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm cho toàn thể cán bộ công nhân viên để xác định bệnh nghề nghiệp, xác định mức sức khỏe để có biện pháp chữa trị kịp thời. Cấp phát bảo hộ lao động đầy đủ và kịp thời tới từng bộ phận sản xuất. Môi trường sản xuất không bị vi phạm.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo CNKT trung bình mỗi năm: từ 20 đến 30 giờ.

- Đối với cán bộ nghiên cứu, thiết kế, phát triển công nghệ: cho tham gia các hội thảo chuyên ngành.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ công nhân viên tham gia các khóa học ngắn hạn, dài hạn phục vụ sản xuất kinh doanh và phát triển kỹ năng nghề nghiệp.

5.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Luôn tham gia đóng góp khi địa phương có yêu cầu.

5.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng từ thiên tai và biến đổi khí hậu, Việt Nam xác định tăng trưởng xanh là chiến lược để phát triển bền vững. Theo chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050 của Việt Nam đã được Chính phủ phê duyệt năm 2012 đưa ra 3 nhiệm vụ chính gồm: (1). Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; (2). Xanh hoá sản xuất, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh; (3). Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Để thực hiện các nhiệm vụ này, Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020, trong đó việc hình thành khung chính sách tài chính tăng trưởng, nhằm huy động vốn cho tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, ngoài nỗ lực của Chính phủ thì cần phải có sự tham gia, phối hợp của các doanh nghiệp. Để nền kinh tế xanh hơn thì bản thân các doanh nghiệp trong nước phải có hành động cụ thể, thiết thực góp phần làm nền kinh tế xanh hơn. Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức luôn hướng đến việc đạt tiêu chuẩn sản xuất thân thiện đến môi trường. Cụ thể là từ năm 2008 đến nay, Công ty đầu tư dây chuyền và đẩy mạnh sản xuất sản phẩm mới máy biến áp phân phối dùng vật liệu amorphous, có tổn hao không tải thấp, sử dụng hiệu quả kinh tế, thân thiện với môi trường. Trong năm 2016, Công ty cung cấp hơn 350 máy biến áp phân phối dùng vật liệu amorphous, chiếm tỷ lệ khoảng 12% doanh số bán hàng của Công ty.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	TH2016/ KH2016	Thực hiện 2015	TH2016/ TH2015
1	Doanh thu thuần	265,4	276.729	104%	318.195	87%
2	Lợi nhuận sau thuế	3.200	1.296	40%	3.007	43%
3	Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) (đồng)	278,9	128,78	46%	128,78	35%

Nhìn chung, Công ty hoàn thành kế hoạch doanh thu nhưng không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 đề ra. Nguyên nhân không đạt được kế hoạch lợi nhuận là do doanh thu bán hàng năm 2016 giảm 41,47 tỷ đồng so với năm 2015, chỉ bằng 87% so với năm 2015, chi phí quản lý tăng (do chi phí trợ cấp nghỉ việc cho NLĐ làm tăng). Vì vậy, lợi nhuận sau thuế năm 2016 chỉ đạt 1.296 triệu đồng (bằng 35% so với năm 2015).

Trong cơ cấu doanh thu 2016 thì doanh thu bán hàng đạt 273,4 tỷ đồng chiếm 98,8% doanh thu và lợi nhuận gộp là 48,3 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp của hoạt động bán hàng là 17,7%, cao hơn mức 15,2% ở năm 2015.

Trong khi đó, năm 2016 cung cấp dịch vụ đạt 3,3 tỷ đồng chiếm 1,2% doanh thu nhưng mảng này lại bị lỗ gộp 2,7 tỷ đồng tương ứng với 81,8%; Năm 2015, mảng này có tỷ lệ lợi nhuận gộp tới 36,7%.

Cơ cấu doanh thu 2014-2016:

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	2014		2015		2016	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu từ bán hàng	223.882	89,7%	307.285	96,6%	273.438	98,8%

Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.642	11,7%	10.910	3,4%	3.291	1,2%
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.460)	(1,4%)	-	-	-	-
Tổng	250.064	100%	318.195	100%	276.729	100%

Cơ cấu lợi nhuận gộp 2014-2016:

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	2014		2015		2016	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
LN gộp từ hoạt động bán hàng	46.019	107,7%	46.808	92,1%	48.314	106%
LN gộp từ cung cấp dịch vụ	(-3.297)	(7.7%)	4.027	7,9%	(2.706)	(6%)
Tổng	42.722	100%	50.835	100%	45.608	100%

Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu 2014-2016:

Khoản mục	2014	2015	2016
Tỷ suất LN gộp/Doanh thu hoạt động bán hàng	18,4%	15,2%	17,7%
Tỷ suất LN gộp/Doanh thu cung cấp dịch vụ	(1,4%)	36,7%	(81,8%)
Tỷ suất LN gộp/Doanh thu	17,1%	16%	16,5%

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

Tại thời điểm 31/12/2016, tổng tài sản của công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức đạt 297,77 tỷ đồng, tăng 6,12 tỷ đồng so với năm 2015. Xét về mặt cơ cấu thì tài sản ngắn hạn tăng 3,11% chiếm 86,2% tổng tài sản và tài sản dài hạn giảm 3,7% chiếm 13,8% tổng tài sản.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn thì tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 11,5% tăng 375,1%, các khoản phải thu chiếm 14,9% giảm 31,1%, hàng tồn kho chiếm 73,4% tăng 1%, tài sản ngắn hạn khác chiếm 0,2% giảm 62,9% so với cùng kỳ.

Đối với cơ cấu tài sản dài hạn chủ yếu là tài sản cố định chiếm 72,3% giảm 11,8% và đầu tư tài chính dài hạn (đầu tư vào Ngân hàng An Bình và Công ty PIST) chiếm 24,3% so với cùng kỳ.

ĐVT : triệu đồng

Khoản mục	2015		2016		Tăng/ (giảm) so với đầu năm.	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	248.462	85%	256.185	86,0%	7.723	1,0%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.877	3%	29.548	10%	21.671	375,1%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-

III. Các khoản phải thu ngắn hạn	55.439	19%	38.204	13%	(17.235)	(31,1%)
IV. Hàng tồn kho	184.405	63%	188.157	63%	3.752	1%
V. Tài sản ngắn hạn khác	739	0%	274	0%	(465)	(62,9%)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	43.184	15%	41.582	14%	(1.602)	(3,7%)
I. Các khoản phải thu dài hạn	35	0%	24	0%	(11)	(31,4%)
II. Tài sản cố định	33.885	11%	30.049	10%	(3.756)	(11,1%)
III. Tài sản dở dang dài hạn	250	0%	1.320	0%	1.070	428%
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8.460	3%	9.864	3%	1.404	16,6%
V. Tài sản dài hạn khác	552	0%	323	0%	(229)	(41,5%)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	291.646	100%	297.768	100%	6.122	2,1%

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả của công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức tại ngày 31/12/2016 là 177,73 tỷ đồng chiếm 59,7% tổng nguồn vốn, giảm 27,87 tỷ đồng tương đương với giảm 13,6% so với năm 2015. Trong cơ cấu nợ phải trả thì nợ ngắn hạn là 176,44 tỷ đồng chiếm 59,3% tổng nguồn vốn. Nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản nợ thương mại như phải trả cho người bán và người mua trả tiền trước 56,34 tỷ đồng, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 1,37 tỷ và vay của các Ngân hàng thương mại 112,88 tỷ đồng.

Đối với khoản nợ dài hạn 1,288 tỷ đồng thì trong đó vay và nợ thuê tài chính dài hạn là 1,28 tỷ đồng.

Tổng nợ vay của Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức tại ngày 31/12/2016 là 114,17 tỷ đồng, trong đó vay ngắn hạn là 112,89 tỷ đồng còn lại vay dài hạn là 1,28 tỷ đồng.

Đvt: triệu đồng

Khoản mục	2015		2016		Tăng/ giảm so với đầu năm.	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%
C. NỢ PHẢI TRẢ	205.602	71%	177.729	60%	(27.873)	(13,6%)
I. Nợ ngắn hạn	203.477	70%	176.440	59%	(27.037)	(13,3%)
II. Nợ dài hạn	2.174	1%	1.288	0%	(-886)	(40,8%)
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	85.994	29%	120.038	40%	34.044	39,6%
I. Vốn chủ sở hữu	85.661	29%	119.849	40%	34.188	39,9%
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	332	0%	189	0%	(143)	(43,1%)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	291.646	100%	297.768	100%	6.1.22	2,1%

2.3. Báo cáo tình hình sử dụng vốn phát hành tăng vốn điều lệ năm 2016:

Năm 2016, Công ty phát hành 3.400.000 cổ phần ra công chúng tăng vốn điều lệ năm 2016 của công ty từ 80,73 tỷ đồng lên 114,73 tỷ đồng. Số tiền ròng thu được từ đợt phát hành này là: 35.268.427.273 đồng (Ba mươi lăm tỷ hai trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng). Công ty đã bổ sung vốn lưu động với số tiền là 12.317.800.000 đồng theo đúng như Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông. Số tiền còn lại 22.950.627.273 đồng là để mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất MBA. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện công tác đầu tư trang thiết bị theo Nghị quyết Đại hội cổ: được sự quan tâm, tạo điều kiện của Nhóm cổ đông các nhà đầu tư mới, Công ty đã và đang tiến hành việc thuê các trang thiết bị gồm: 11 máy quấn dây MBA tự động + 01 máy cắt tole silic tự động + 01 Lò sấy chân không thế hệ mới. (trước mắt, theo thỏa thuận hỗ trợ của nhà đầu tư, Công ty được sử dụng không tính phí thuê toàn bộ các thiết bị trên trong cả năm 2017 để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu thị trường). Kết quả khi đưa vào vận hành từ tháng 8/2016 đến nay, năng suất và chất lượng chế tạo MBA được nâng lên rõ rệt; Xét thấy mức độ hiệu quả sử dụng đồng vốn bỏ ra để đầu tư máy móc thiết bị trong giai đoạn hiện nay như chương trình đầu tư mới theo Nghị quyết Đại hội cổ đông như trước đây là chưa hiệu quả bằng việc sử dụng số tiền còn lại (22.950.627.273 đồng) để bổ sung vào vốn lưu động của Công ty. Vì vậy, Công ty dự kiến thay đổi mục đích sử dụng vốn của số tiền còn lại hơn 22 tỷ nêu trên bằng hình thức thuê thiết bị của Nhà đầu tư, và toàn bộ số tiền còn lại hơn 22 tỷ đã huy động được từ đợt phát hành CP tăng vốn điều lệ từ đầu năm 2016 sẽ được Công ty dùng để bổ sung vốn lưu động, trả bớt các khoản vay Ngân hàng; qua đó, sẽ giúp Công ty sử dụng đồng vốn kinh doanh mang lại hiệu quả tốt hơn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2016, Công ty xác định mô hình của công ty, tổ chức sắp xếp lại lực lượng lao động trực tiếp và gián tiếp phù hợp theo hướng tinh gọn, tiết giảm chi phí, giảm các cấp quản lý trung gian, giảm chồng chéo công việc, chức năng giữa các bộ phận, nâng cao năng suất lao động. Cụ thể : trước khi thực hiện chương trình tái cơ cấu, bộ máy tổ chức Công ty gồm 10 Phân xưởng và 12 Phòng Ban; sau khi hoàn thành chương trình tái cơ cấu vào đầu năm 2017, hiện nay mô hình tổ chức Công ty chỉ còn 03 Phân xưởng và 05 Phòng Ban; biên chế lao động được sắp xếp tinh gọn lại từ hơn 350 người trước đây, nay chỉ còn 150 người

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Trong năm 2017 và những năm tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục hoàn chỉnh chương trình tái cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý Công ty theo hướng kinh doanh ngày càng hiệu quả. Công ty vẫn xây dựng lĩnh vực hoạt động cốt lõi là sản xuất thiết bị điện với sản phẩm chính là chế tạo máy biến áp trung gian và phân phối các loại. Hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, nâng cao năng lực thiết bị để chế tạo MBA công suất đến 63MVA- điện áp 110KV đạt chất lượng và tiêu chuẩn quốc tế.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Để giảm thiểu các tác động đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội, Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất, cụ thể:

- Thực hiện tất cả các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Các công trình xử lý môi trường trong quá trình sản xuất như xử lý nước thải, thu gom rác, chất thải thường xuyên đảm bảo hoạt động.
- Thực hiện tất cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến quá trình sản xuất.
- Cam kết thực hiện các biện pháp, cũng như vận hành các hệ thống xử lý nhằm không chế đến mức thấp nhất các tác động của tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.

6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

- Mặc dù thị trường sản phẩm MBA phân phối các loại vẫn tiếp tục tăng cao do nhu cầu phụ tải lưới điện phát triển; tuy nhiên, theo dự báo mức độ cạnh tranh trong năm 2017 và những năm tiếp sau chắc chắn sẽ ngày càng gay gắt hơn do có quá nhiều Công ty sản xuất thiết bị điện trong và ngoài nước tham gia đấu thầu, cung cấp mặt hàng sản phẩm MBA chuyên dùng, được sử dụng phổ biến trên hệ thống lưới điện Việt Nam.
- Sản phẩm MBA dùng vật liệu amorphous trong ngành điện đang có xu hướng chậm lại do còn trong quá trình thăm dò, đánh giá mức độ hiệu quả sử dụng của khách hàng cả về yếu tố kinh tế và kỹ thuật, do vậy cũng làm giảm ưu thế của EMC về sản phẩm này trên thị trường.
- Ngoài những Công ty sản xuất thiết bị Điện phía Bắc đang mở rộng thị trường cạnh tranh vào miền Nam, dẫn đến việc cạnh tranh về giá bán sản phẩm ngày càng gay gắt, khốc liệt; mặt khác hiện nay cũng đang có nhiều Công ty tư nhân đang tiến hành xây dựng thêm các Nhà máy chế tạo MBA lực và MBA phân phối các loại tại khu vực Miền Nam nên áp lực cạnh tranh sản phẩm MBA trong năm 2017 và những năm tiếp sau đối với Công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức lại càng gay gắt, khó khăn hơn năm 2016.

6.1. Các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện chủ yếu:

Mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với tinh thần đoàn kết của CBCNV cùng nhau vượt khó, Công ty đã xây dựng mục tiêu kế hoạch năm 2017 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Chỉ tiêu năm 2017	
				Kế hoạch	Tỷ lệ % tăng (giảm)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)
01	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	278,366	292	105,04%
02	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,555	3,200	205,79%
03	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,296	2,560	197,53%
04	Cổ tức	%	0%	3%	

6.2. Các giải pháp thực hiện:

- Công tác sản xuất kinh doanh

+ Tiến hành bảo dưỡng, nâng cấp các hệ thống, dây chuyền sản xuất máy biến áp phân phối, truyền tải, dây chuyền sản xuất cơ khí và máy móc thiết bị trong hệ thống theo kế hoạch đã đặt ra, đảm bảo chất lượng bảo trì, tiết kiệm chi phí.

+ Sản lượng sản xuất hàng tháng được điều chỉnh linh hoạt theo phản ứng của thị trường trên cơ sở tham chiếu kế hoạch sản lượng năm 2016; Tiếp tục tăng cường sản xuất các sản phẩm máy biến áp phân phối có chất lượng, giá trị kinh tế- kỹ thuật cao, đang được thị trường công nghiệp điện tiêu thụ tốt.

+ Chất lượng sản phẩm:

Tìm các giải pháp quản lý chất lượng toàn diện từ khâu sản xuất đầu tiên đến khâu cuối cùng. Theo đó, cần kiểm soát chặt chẽ công tác thiết kế, thu mua vật tư, nguyên liệu đầu vào, đặc biệt đối với các nguyên liệu chính như: sắt thép, tole silic, dầu cách điện, sứ cách điện. Đồng thời, nghiêm túc thực hiện đúng quy trình hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008- phiên bản 2015 trong các công đoạn sản xuất.

Thực hiện công tác kiểm soát bán thành phẩm tại các công đoạn nhằm loại bỏ những sản phẩm lỗi, kiểm soát chặt chẽ thành phẩm trên theo mẫu và tiêu chuẩn kỹ thuật cơ sở đã công bố.

- **Công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Căn cứ theo phản ứng của khách hàng/thị trường Công ty xem xét và ra quyết định đẩy mạnh sản xuất sản phẩm mới máy biến áp phân phối dùng vật liệu amorphous, có tổn hao không tải thấp, sử dụng hiệu quả kinh tế, thân thiện với môi trường...

- **Công tác bán hàng**

Nâng cao khả năng dự báo thị trường và lập các báo cáo phân tích thị trường, đối thủ cạnh tranh, so sánh chất lượng, giá bán sản phẩm, quy mô sản xuất của đối thủ làm cơ sở cho lãnh đạo công ty quyết định những chính sách phù hợp.

Triển khai công tác hỗ trợ khách hàng tiêu thụ bằng cách tiếp cận, quảng bá sản phẩm của Công Ty đối với nhiều đối tượng khách hàng theo vùng miền, phân theo khu vực; thường xuyên thăm dò ý kiến phản hồi của khách hàng.

Tiếp tục tìm kiếm các nhà phân phối/đại lý tiêu thụ có đủ tiềm lực tham gia vào kênh phân phối của công ty.

Tập trung quảng bá, chào bán các loại sản phẩm mới/có nhiều tính năng ưu việt dự kiến sản xuất ra thị trường. Đánh giá phản hồi từ phía khách hàng từ đó định hướng cơ cấu sản phẩm cho sản xuất.

Xây dựng giá bán sản phẩm linh hoạt đảm bảo tiêu thụ được và không làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của công ty đã đặt ra.

Gia tăng hiệu quả công tác hậu mãi chăm sóc khách hàng để thỏa mãn nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

- **Công tác quản trị chi phí**

Tiếp tục khai thác kết quả nghiên cứu tiết giảm chi phí nguyên, nhiên vật liệu trong sản xuất/ trong công tác thiết kế kỹ thuật.

Rà soát chi phí sản xuất, trong đó tập trung kiểm soát các chi phí có giá trị lớn như: chi phí vật tư, chi phí sửa chữa, bảo trì máy móc thiết bị định kỳ trong Công Ty, chi phí bảo hành, bảo trì sản phẩm, chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch.

Thực hành tiết kiệm điện, năng lượng, nhiên liệu và giảm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Phần đầu giảm tiêu hao vật tư, nguyên liệu trong sản xuất từ 2% đến 3% so với thực hiện năm 2016.

+ Quản lý, sử dụng tiết kiệm tối đa chi phí hành chính-văn phòng...

+ Tăng cường kiểm tra chặt chẽ qui trình mua sắm vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào..

+ Rà soát lại hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, định mức giao khoán tiền lương, các qui chế khoán quản lý trong kinh doanh, trong từng công đoạn sản xuất.

- **Công tác quản lý và điều hành**

Thực hiện điều hành sản xuất theo thị trường một cách linh hoạt để sản xuất các mặt hàng đáp ứng yêu cầu thị trường và thị hiếu khách hàng,

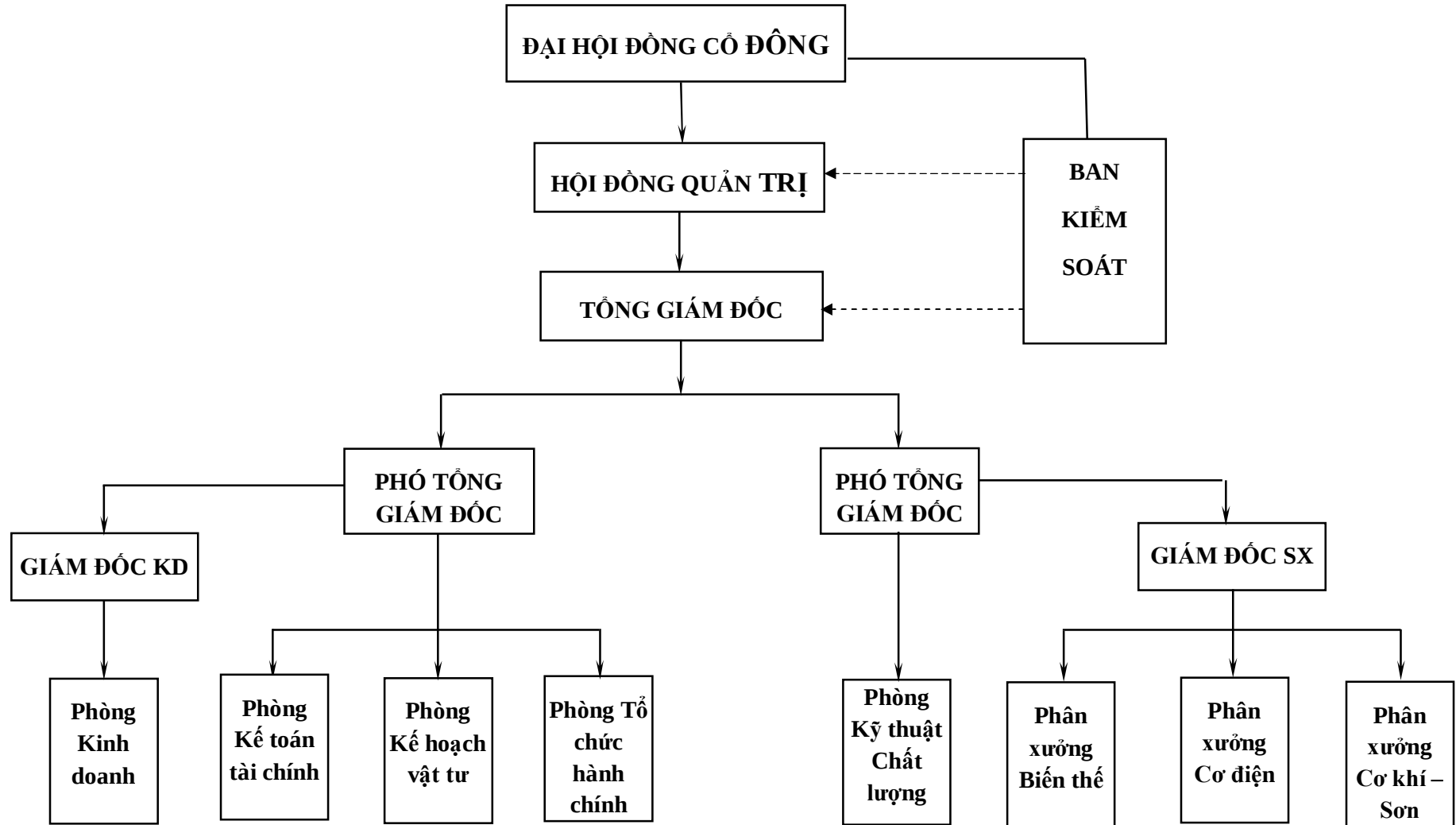
Duy trì việc minh bạch, công khai hoá toàn bộ các mặt hoạt động SXKD trong công ty.

- **Công tác đầu tư XD CB năm 2017 để đạt được mục tiêu đề ra.**

Để đạt được mục tiêu kế hoạch đặt ra, Công ty CP Cơ Điện Thủ Đức cần tiếp tục hoàn thiện các hạng mục đầu tư dở dang của năm 2016 chuyển sang và đề xuất đầu tư một số hạng mục mới trong năm 2017 (trên cơ sở kiểm định, đánh giá hiệu quả đầu tư trang thiết bị của Công ty trong năm 2016), đồng thời hướng đến mục đích phát triển Công ty trong dài hạn cũng như khai thác triệt để các lợi thế sẵn có của các công trình đã được đầu tư từ các dự án trước đây của Công Ty.

6.3. Cơ cấu bộ máy quản lý năm 2017 của Công ty sau khi tái cơ cấu:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC SAU KHI THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU BỘ MÁY



Kết luận:

Những kết quả đạt được trong năm 2016 là động lực cho Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và những năm tiếp sau.

Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, nhằm củng cố và phát huy giá trị cốt lõi dựa trên nền tảng nội lực của công ty.

Toàn thể cán bộ công nhân viên của đơn vị sẽ nỗ lực, cố gắng xây dựng và phát huy thành quả đã đạt được, không ngừng đổi mới phương thức kinh doanh, xây dựng thương hiệu EMC ngày càng vững mạnh.

IV. Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2016, mọi hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Hoạt động trong năm 2016 của công ty tuy vẫn còn nhiều khó khăn trong cơ chế thị trường; nhưng Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc cùng các đơn vị trong công ty cùng nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua. Mặc dù có sự thống nhất cao giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhưng kết quả thực hiện năm 2016 không đạt chỉ tiêu về lợi nhuận theo kế hoạch. Nguyên nhân là công ty đang trong giai đoạn sắp xếp lại nhân sự nên chi phí trợ cấp thôi việc cho người lao động tăng cao, làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp và kết quả là đến cuối năm lợi nhuận không đạt như kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, xét về mặt tổng thể thì hoạt động sản xuất kinh doanh công ty vẫn tăng trưởng tốt; Công ty bảo tồn được vốn và có lợi nhuận.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã luôn song hành cùng với Ban Tổng Giám đốc trong từng hoạt động, bám sát thị trường, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc tuân thủ đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trước tình hình thị trường thiết bị điện còn gặp nhiều biến động, Ban Tổng Giám đốc đã đề ra các chương trình, giải pháp và quyết định phù hợp với tình hình thực tế của thị trường, đảm bảo hiệu quả trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Tính minh bạch trong sản xuất kinh doanh được duy trì và tạo điều kiện cho cổ đông của công ty cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt chức năng quản lý, giám sát của mình.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Mục tiêu trong năm 2017 của EMC là tiếp tục duy trì phát triển, ổn định sản xuất kinh doanh, đảm bảo tổng doanh thu đạt 292 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 3,2 tỷ đồng, chia cổ tức 3%. Để đạt được các mục tiêu như trên, Hội đồng quản trị xác định một số giải pháp chính như sau:

- Chỉ đạo sát sao hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, tiếp tục lựa chọn phát triển dòng sản phẩm máy biến áp theo nhu cầu của thị trường và quy định của Nhà nước.

- Tiếp tục rà soát, củng cố, hoàn thiện dây chuyền sản xuất, sử dụng hiệu quả và phát huy tối đa công suất các thiết bị hiện có. Đầu tư bổ sung thêm thiết bị công nghệ để đáp ứng nhu cầu hiện tại và phát triển trong tương lai.
- Tiếp tục hoàn thiện các quy trình, quy chế quản trị phù hợp với công ty theo hướng chuyên nghiệp, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh của công ty trong quá trình kinh doanh, đảm bảo tối đa hóa lợi ích cho cổ đông.
- Tập trung đẩy mạnh các hoạt động liên quan như quản trị doanh nghiệp, kiểm soát sản phẩm và quảng bá hình ảnh Công ty để xây dựng và phát triển thương hiệu EMC nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh, nâng cao vị thế của công ty.
- Quản lý tài chính hiệu quả, chặt chẽ, kiểm soát dòng tiền, làm tăng khả năng quay vòng vốn, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý tài chính.
- Đẩy mạnh đổi mới công tác đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm nhân sự và cải thiện thu nhập nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển trước mắt và lâu dài.
- Tăng cường công tác quản trị công ty theo Luật doanh nghiệp 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn hoạt động của Công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Từ đây đến cuối năm 2017, theo lộ trình dự kiến thoái vốn thì Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thoái toàn bộ 40,05% phần vốn Nhà nước tại công ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức. Mặc dù không còn vốn Nhà nước tại công ty nhưng Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng công ty tiếp tục ổn định, tăng trưởng bền vững.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (đến 31/12/2016):

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu có quyền biểu quyết	Ghi chú
01	Nguyễn Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	8	0%	Đại diện sở hữu 40% vốn của EVN tại CTCP
02	Bùi Phước Quảng	Ủy viên HĐQT	0	0%	Đại diện sở hữu 30% vốn của EVN tại CTCP
03	Lê Đình Kiệt	Ủy viên HĐQT	7	0%	Miễn nhiệm ngày 30/12/2016
04	Lê Việt Hùng	Ủy viên HĐQT	0	0%	Đại diện sở hữu 30% vốn của EVN tại CTCP
05	Nguyễn Tri Ân	Ủy viên	0	0%	Miễn nhiệm

		HDQT			ngày 30/06/2016.
06	Đặng Quốc Việt	Ủy viên HDQT	523.164	4,56%	Trúng cử ngày 30/12/2016.
07	Hoàng Minh Bách	Ủy viên HDQT	2.376.689	20,72%	Trúng cử ngày 30/12/2016.

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT):

Stt	Thành viên HDQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Ông Nguyễn Minh Quang	Chủ tịch HDQT	25/05/2013	13/13	100%	
02	Ông Bùi Phước Quảng	Thành viên HDQT	25/05/2013	13/13	100%	
03	Ông Lê Việt Hùng	Thành viên HDQT	25/05/2013	13/13	100%	
04	Ông Lê Đình Kiệt	Thành viên HDQT	25/05/2013; 30/12/2016	12/13	92%	Miễn nhiệm ngày 30/12/2016
05	Ông Nguyễn Tri Ân	Thành viên HDQT	25/05/2013; 01/07/2016	05/13	38%	Miễn nhiệm ngày 30/06/2016.
06	Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên HDQT	30/12/2016	01/13	8%	Trúng cử ngày 30/12/2016
07	Ông Hoàng Minh Bách	Thành viên HDQT	30/12/2016	01/13	8%	Trúng cử ngày 30/12/2016

- **Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2016):**

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	095/NQ/CĐTD-HĐQT	15/01/2016	Thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.
02	0237/NQ/CĐTD-HĐQT	15/02/2016	Thông qua ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua, thời gian chuyển nhượng quyền mua và thực hiện quyền mua cổ phần phát hành.
03	0440/NQ/CĐTD-HĐQT	22/03/2016	Thông qua việc điều chỉnh thời gian chuyển nhượng quyền mua và thực hiện quyền mua cổ phần phát hành.
04	0883/NQ/CĐTD-HĐQT	23/05/2016	Thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm của cổ đông hiện hữu và phương án chào bán cổ phần chưa phân phối hết.
05	993b/NQ/CĐTD-HĐQT	02/06/2016	Thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 80.730.000.000 đồng lên 114.730.000.000 đồng.
06	1065/NQ/CĐTD-HĐQT	11/06/2016	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc (Ông Nguyễn Tri Ân – để thực hiện chế độ nghỉ hưu theo quy định).
07	1066/NQ/CĐTD-HĐQT	11/06/2016	Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc (Ông Huỳnh Vĩnh Phú).
08	1067/NQ/CĐTD-HĐQT	11/06/2016	Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc (Ông Phùng Quang Khang).
09	1068/NQ/CĐTD-HĐQT	11/06/2016	Bổ nhiệm chức danh Kế Toán Trưởng (Bà Vương Thị Bảo Giang).
10	1236/NQ/CĐTD-HĐQT	01/07/2016	Chi trả cổ tức cho niên độ tài chính 2015
11	1626/NQ/CĐTD-HĐQT	11/08/2016	Thông qua chủ trương chương trình đổi mới, tái cơ cấu tổ chức – sản xuất kinh doanh của Công ty.
12	1627/NQ/CĐTD-HĐQT	11/08/2016	Thông qua việc bán đấu giá lại tài sản đất đai của Công ty tại Long Thành – Đồng Nai và Vũng Tàu.
13	2559/NQ/CĐTD-HĐQT	21/11/2016	Thông qua nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 – lần 2 của Công ty.

1.3. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Nguyễn Minh Quang – Chủ tịch HĐQT.
- Bùi Phước Quảng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.
- Lê Đình Kiệt - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.
- Nguyễn Tri Ân – Thành viên HĐQT.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
01	Nguyễn Thị Thu Tâm	Trưởng ban	7	0
02	Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên	2.840	0,002
03	Nguyễn Ngọc Dung	Thành viên	0	0

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2016, BKS đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp được HĐQT mời tham dự, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện các chính sách, quy trình, quy chế nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành trong việc triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích chung của Công ty và cổ đông.
- Lãnh đạo của Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật trong quản lý, điều hành.
- Việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật thông qua việc đóng góp ý kiến và dự thảo đã phát huy được tinh thần tập thể. Do đó các quy định khi ban hành có tính khả thi cao, thực sự là công cụ hữu hiệu phục vụ công tác, quản lý điều hành.

3. Báo cáo tình hình lương, thưởng, thù lao, của Hội đồng Quản trị- Ban Tổng Giám Đốc- Ban kiểm soát năm 2016:

• Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương (triệu đồng)	Thưởng (triệu đồng)	Thù lao (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
1	Nguyễn Minh Quang	Chủ tịch	222,6	-		222,6
2	Bùi Phước Quảng	Thành viên	214,32	-		214,32
3	Lê Việt Hùng	Thành viên	-	-	39	39
4	Lê Đình Kiệt	Thành viên (đã miễn nhiệm ngày 30/12/2016)	126,7	-	39	165,7
5	Nguyễn Tri Ân	Thành viên	156,2	-	15	171,2

		(đã miễn nhiệm ngày 30/06/2016)				
--	--	---------------------------------------	--	--	--	--

• **Ban Kiểm soát:**

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương (triệu đồng)	Thưởng (triệu đồng)	Thù lao (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
1	Nguyễn Thị Thu Tâm	Trưởng ban (Từ ngày 01/07/2016)	57,3	-	-	57,3
2	Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng ban (đến ngày 30/06/2016) Thành viên (Từ ngày 01/07/2016)		-	33	33
3	Nguyễn Ngọc Dung	Thành viên	-	-	26	26
4	Lê Minh Hải	Thành viên (Đã miễn nhiệm ngày 30/06/2016)	73,3	-	14	87,3

• **Ban Điều hành:**

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương (triệu đồng)	Thưởng (triệu đồng)	Thù lao (triệu đồng)	Tổng cộng (triệu đồng)
1	Bùi Phước Quảng	Tổng Giám đốc	214,32	-		214,32
2	Lê Đình Kiệt	Phó Tổng Giám đốc	126,7	-	39	165,7
3	Nguyễn Tri Ân	Phó Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm ngày 11/06/2016)	156,2	-	15	171,2
4	Huỳnh Vĩnh Phú	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/06/2016)	175,2	-	-	175,2
5	Phùng Quang Khang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/06/2016)	160,6	-	-	160,6
6	Vương Thị Bảo Giang	Kế toán trưởng	162,1	-	-	162,1

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Kiểm toán TPP): “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (Đính kèm).

Trân trọng kính báo !

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

NGUYỄN MINH QUANG

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO
KIỂM SOÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2016

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Cơ Điện Thủ Đức

Căn cứ Quyết định số 1121/QĐ-CDTĐ-HĐQT ngày 12/5/2009 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát EMC;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2016 của EMC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP (đã được đổi tên từ Công ty TNHH Kiểm toán ASC);

Thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2016 của Công ty như sau:

I. Giám sát công tác quản lý điều hành:

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh do Công ty cung cấp theo quy định; các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát như sau:

- Thực hiện kiểm tra rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành, có ý kiến về công tác sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định cho phù hợp với hoạt động của Công ty.

- Tham dự 02 cuộc họp của HĐQT và đề nghị HĐQT giải trình các vấn đề Ban kiểm soát quan tâm.

- Định kỳ thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của Công ty tại thời điểm báo cáo; xem xét báo cáo tài năm 2016 của EMC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

II. Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc:

- Trong năm 2016, Ban Kiểm soát được mời tham dự 2 cuộc họp của HĐQT. Tham gia ý kiến góp ý các vấn đề liên quan tới công tác điều hành và chiến lược phát triển của Công ty trong phạm vi quyền hạn của Ban Kiểm soát.

- HĐQT, Ban Giám đốc Công ty đã cung cấp đầy đủ các tài liệu về công tác điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

III. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty:

1. Cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Thời điểm 31/12/2016		Thời điểm 31/12/2015	
	Vốn điều lệ(Tr.đ)	Tỷ lệ (%)	Vốn điều lệ(Tr.đ)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	45,952	40.05	45,952	56.92
Cổ đông khác	68,778	59.95	34,778	43.08
Tổng cộng	114,730	100	80,730	100

2. Cơ cấu nguồn vốn và tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2016	31/12/2015
Cơ cấu tài sản	%		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		13,96	14,81
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		86,04	85,19
Cơ cấu nguồn vốn	%		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		59,69	70,51
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		40,31	29,49
- Nợ phải trả/Vốn CSH		148,06	240,08

- Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2015
+Tổng tài sản	297,768,139,726	291,646,671,813
Tài sản ngắn hạn	256,185,663,030	248,462,325,870
Tài sản dài hạn	1,582,476,696	43,184,345,943
+Tổng nguồn vốn	297,768,139,726	291,646,671,813
Nợ phải trả	177,729,472,291	205,652,573,618
Vốn chủ sở hữu	120,038,667,435	85,994,098,195

3. Kết quả sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2015
1. Tổng doanh thu	278,366,834,666	319,722,103,475
2. Tổng chi phí	276,810,843,384	315,545,547,364
3. Tổng Lợi nhuận trước thuế	1,555,991,282	4,176,556,111
4. Thuế TNDN	259,590,035	1,169,345,464
5. Số PS phải nộp NS	18,438,613,726	14,607,351,750
Trong đó: Các loại thuế	18,137,448,813	14,363,751,682
6. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	1,296,401,247	3,007,210,647
7. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	1.30%	4.88%
8. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)	1.48	2.39
9. Tổng quỹ lương	29,333,357,591	31,901,658,317
10. Số lao động BQ	321	417
11. Thu nhập BQ (đồng/người/tháng)	5,636,286	6,893,000

4. Một số chỉ tiêu đánh giá

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2015
Khả năng thanh toán		
1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1.68	1.42
2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1.45	1.22
3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.17	0.04
Hiệu quả		
4. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/DT thuần (%)	0.56	1.31
5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/DT thuần (%)	0.47	0.95
6. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản (%)	0.52	1.43
7. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	0.44	1.03
8. Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (%)	1.08	3.50
Bảo toàn và phát triển vốn		
9. Hệ số bảo toàn vốn	1.40	0.99

IV. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Ban Giám đốc:

- Về việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2016, Công ty Cổ Phần Cơ Điện Thủ Đức vẫn gặp nhiều khó khăn do tình hình chung của nền kinh tế và sự cạnh tranh của các đơn vị trong cùng ngành. Mặc dù Tổng Giám đốc Công ty cùng với Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng các chỉ tiêu về lợi nhuận không đạt kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2016 thông qua.

- Trong năm 2016, HĐQT đã tiến hành họp 12 lần bao gồm cả lấy ý kiến biểu quyết của một ủy viên HĐQT bằng văn bản, ban hành một số các Nghị quyết, thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo Điều lệ của Công ty. (chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo biên bản này).

V. Tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ thực hiện 2016 với kế hoạch 2016 (%)	Tỷ lệ thực hiện 2016 với thực hiện 2015 (%)
Vốn điều lệ	đồng	80.730.000.000	114.730.000.000	114.730.000.000	100	142,12
Tổng doanh thu	đồng	319.722.103.475	266.500.000.000	278.366.834.666	104,45	87,07
Nộp Ngân sách	đồng	14.607.351.750	Theo quy định	18.438.613.726		
Lao động	người	417	390	321	82,31	76,98
Thu nhập bình quân người/tháng	đồng	6.893.000	7.000.000	5.636.286	80,52	81,77
Lợi nhuận trước thuế	đồng	4.176.556.111	4.000.000.000	1.555.991.282	38,90	37,26
Thuế TNDN (20%)	đồng	(Thuế TNDN 22%) 1.169.345.464	800.000.000	259.590.035	32,45	22,20
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	đồng	3.007.210.647	3.200.000.000	1.296.401.247	40,51	43,11

VI. Tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm soát viên và của Ban kiểm soát EMC

1. Về quản lý vật tư hàng hóa: Năm 2016, Công ty đã tiến hành bán thanh lý một số phương tiện vận tải và máy móc thiết bị không có nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

2. Về quản lý vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: Công ty đang tìm kiếm nhà đầu tư để chuyển nhượng toàn bộ 1.213.710 cổ phiếu Ngân hàng TMCP An Bình (ABB) với giá trị đầu tư: 9.789.265.685 đồng và 30.000 cổ phiếu CTCP Đầu tư TM và Dịch vụ Điện lực (PIST) với giá trị đầu tư: 300.000.000 đồng. Tổng số tiền đầu tư tại 02 doanh nghiệp trên là: 10.089.265.685 đồng.

VII. Một số nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát:

1. Nhận xét:

a. Nhận xét chung:

- Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các quy định của Luật kế toán, chế độ kế toán và các chuẩn mực kế toán Việt nam, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của Công ty.

- Sổ sách kế toán được lập theo biểu mẫu quy định của chế độ kế toán hiện hành.

- Báo cáo tài chính năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán và đã công bố thông tin đại chúng cho cổ đông và cơ quan chức năng. Báo cáo tài chính phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016. Tuy nhiên, có sự sai sót trong quá trình in số liệu. Cụ thể: Mục 5 (phần VI): Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh/Chi phí SXKD theo yếu tố: Chi phí hoa hồng môi giới 287.681.965.045 đồng, số đúng là 2.066.582.554 đồng (trang 33/44).

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016: Doanh thu đạt 278,366 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1,296 tỷ đồng.

- Số tiền vay trong kỳ giảm 112,925 tỷ đồng, giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước (Năm 2016: 199,391 tỷ đồng, năm 2015: 312,316 tỷ đồng).

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm 15,7 tỷ đồng (Năm 2016: 29,62 tỷ đồng, năm 2015: 45,33 tỷ đồng).

- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 45,74 tỷ đồng (Năm 2016: 112,89 tỷ đồng, năm 2015: 158,63 tỷ đồng).

- Trong năm 2016, Công ty đã đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị phục vụ SXKD với giá trị là 655 triệu đồng (máy quần dây đồng dệt: 255 triệu đồng và máy quần dây tự rê: 400 triệu đồng)

b. Các chỉ tiêu đánh giá cho thấy: khả năng thanh toán thanh toán nhanh của Công ty đã cải thiện hơn và ở mức 0.17 lần. Tuy nhiên, vẫn ở mức độ rất thấp. Hệ số bảo toàn vốn là 1.4

c. Các vấn đề tồn tại đã xử lý trong năm 2016:

- Bán đấu giá thành công lô đất ở Phước Thái Long Thành Đồng Nai thu hồi vốn, phục vụ cho SXKD Công ty. Giá trị bán đấu giá lô đất thu hồi về : 1.507.800.000 đồng.

- Bán đấu giá thành công một số thiết bị máy móc không có nhu cầu sử dụng. Giá trị thanh lý thu về : 171.000.000 đồng.

- Phân bổ hết chi phí nhân công vào giá thành trong kỳ (khoản phải thu người lao động tại thời điểm 30/09/2016 là 12,324 tỷ đồng).

d. Các vấn đề còn tồn tại:

- Hàng tồn kho lớn (188,157 tỷ đồng, trong đó: tồn kho NVL 42,300 tỷ đồng; Sản phẩm dở dang 96,787 tỷ đồng; Thành phẩm 49,315 tỷ đồng).

- Khoản tạm ứng 4,033 tỷ đồng chưa xử lý.

- Chi phí khác bằng tiền phát sinh tăng 32% so với năm 2015 trong khi các khoản mục chi phí khác đều theo xu hướng giảm.

- Chưa thực hiện đấu thầu mua sắm vật tư hàng hóa.

- Khoản phải thu tiền lương CB- CNV giai đoạn trước 31/12/2006 vẫn chưa được xử lý là: 0,823 tỷ đồng.

- Chưa có phương án xử lý đất ở Vũng Tàu để thu hồi vốn phục vụ SXKD của Công ty.

2. Kiến nghị:

- Về Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán: Đề nghị điều chỉnh khoản mục sai sót trong Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán (chi phí SXKD theo yếu tố) và có văn bản gửi các cơ quan quản lý theo quy định của pháp luật.

- Về việc sử dụng vốn huy động: Năm 2016, Công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 80,730 tỷ đồng lên 114,730 tỷ đồng. Số tiền huy động từ đợt phát hành là 335,417 tỷ đồng. Trong đó: Đầu tư máy móc thiết bị 23,1 tỷ đồng và bổ sung vốn lưu động 12,317 tỷ đồng. Đề nghị Công ty báo cáo ĐHĐCĐ về việc sử dụng vốn huy động từ đợt phát hành năm 2016. Do có sự thay đổi về mục đích sử dụng vốn phát hành so với phương án đã được ĐHĐCĐ phê duyệt để đảm bảo việc sử dụng vốn huy động đạt hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giảm khoản vay và chi phí lãi vay:

- + Rà soát xử lý những nguyên vật liệu tồn kho không có nhu cầu sử dụng, lập kế hoạch mua sắm nguyên vật liệu phù hợp với kế hoạch sản xuất để tránh ứ đọng vật tư.

+ Đối với những thành phẩm không phù hợp với nhu cầu thị trường, chưa đạt yêu cầu kỹ thuật, cần tập trung sửa chữa (nếu có thể) hoặc có kế hoạch thanh lý để thu hồi vốn.

- Cần quản lý và kiểm soát tốt chi phí để mức tăng doanh thu và lợi nhuận luôn cao hơn mức tăng chi phí.

- Cần thực hiện đấu thầu mua sắm vật tư hàng hóa theo quy định của pháp luật.

- Tích cực thu nợ, tránh để khách hàng chiếm dụng vốn của Công ty, tăng vòng quay vốn lưu động nhằm đem lại hiệu quả cao hơn trong việc sử dụng vốn.

- Căn cứ chiến lược sản xuất kinh doanh, cơ cấu lại nguồn vốn, cân đối tỷ lệ giữa vốn chủ sở hữu và vốn vay ở mức hợp lý, đảm bảo an toàn về khả năng thanh toán.

- Hiện công ty đang đầu tư vào Ngân hàng TMCP An Bình và CTCP Đầu tư thương mại dịch vụ Điện lực nhưng không hiệu quả. Đề nghị Công ty có phương án chuyển nhượng các khoản đầu tư này trong năm 2017 để tập trung vốn cho hoạt động SXKD chính của Công ty.

- Cần sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ sử dụng trong Công ty như: quy định chi hoa hồng, đấu thầu mua sắm vật tư,

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm soát tình hình hoạt động của EMC trong năm 2016, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Thay mặt Ban kiểm soát tôi chân thành cảm ơn HĐQT, Ban Giám đốc, các Phòng ban chức năng có liên quan cùng Quý cổ đông đã luôn đồng hành, tạo điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Xin chúc các vị Đại biểu, Quý vị cổ đông, Nhà đầu tư sức khỏe, thành đạt và hạnh phúc.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT EMC;
- Lưu BKS.

TM. Ban kiểm soát
Trưởng Ban

Nguyễn Thị Thu Tâm

Phụ lục 1:

Các cuộc Họp Hội đồng quản trị (HĐQT):

Stt	Ngày	Nội dung	Ghi chú
01	29/01/2016	Họp HĐQT định kỳ Quý I/2016	Họp trực tiếp
02	21/04/2016	Bổ sung điều khoản về mục đích sử dụng, nội dung và thời gian ủy quyền cho Người đại diện pháp luật của Công ty thay mặt HĐQT thực hiện việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP VietBank trong năm 2016 để sản xuất	Họp qua mail, điện thoại
03	20/05/2016	Thông qua phương án xử lý cổ phần lẻ và cổ phần cổ đông hiện hữu không mua hết trong đợt chào bán cổ phần ra công chúng tăng vốn điều lệ năm 2016.	Tờ trình lấy ý kiến bằng văn bản
04	02/06/2016	Việc tăng vốn điều lệ từ 80,73 tỷ lên 114,73 tỷ.	Họp qua mail, điện thoại
05	10/06/2016	Họp HĐQT định kỳ Quý II/2016	X
06	01/07/2016	Thông qua kế hoạch SXKD năm 2016 và các vấn đề liên quan đến việc huy động vốn để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016.	Họp qua mail, điện thoại
07	16/07/2016	Bổ sung điều khoản về mục đích sử dụng, nội dung và thời gian ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT của Công ty thay mặt HĐQT thực hiện việc vay vốn Ngân hàng TMCP Phát	Họp qua mail, điện thoại

		triển TPHCM (HD Bank) trong năm 2016 để sản xuất.	
08	18/07/2016	Chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2016	Họp qua mail, điện thoại
09	25/07/2016	Họp HĐQT định kỳ Quý III/2016	X
10	15/08/2016	Bổ sung điều khoản về mục đích sử dụng, nội dung và thời gian ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT của Công ty thay mặt HĐQT thực hiện việc vay vốn Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM (HD Bank) trong năm 2016 để sản xuất.	Họp qua mail, điện thoại
11	15/09/2016	+ Bổ sung điều khoản về mục đích sử dụng, nội dung và thời gian ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT của Công ty thay mặt HĐQT thực hiện việc Ngân hàng TMCP VietBank – CN TPHCM cấp tín dụng để phát hành bảo lãnh trong nước. + Bổ sung điều khoản về mục đích sử dụng, nội dung và thời gian ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT của Công ty thay mặt HĐQT thực hiện việc Ngân hàng TMCP VietBank – CN TPHCM cấp tín dụng để mở L/C và bảo lãnh thanh toán LC.	Họp qua mail, điện thoại
12	15/11/2016	Thông qua nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 –lần 2.	Tờ trình lấy ý kiến bằng văn bản

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	095/NQ/CĐTĐ-HĐQT	15/01/2016	Thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.
02	0237/NQ/CĐTĐ-HĐQT	15/02/2016	Thông qua ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua, thời gian chuyển nhượng quyền mua và thực hiện quyền mua cổ phần phát hành.
03	0440/NQ/CĐTĐ-HĐQT	22/03/2016	Thông qua việc điều chỉnh thời gian chuyển nhượng quyền mua và thực hiện quyền mua cổ phần phát hành
04	0883/NQ/CĐTĐ-HĐQT	23/05/2016	Thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm của cổ đông hiện hữu và phương án chào bán cổ phần chưa phân phối hết.
05	993b/NQ/CĐTĐ-HĐQT	02/06/2016	Thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 80.730.000.000 đồng lên 114.730.000.000 đồng.
06	1065/NQ/CĐTĐ-HĐQT	11/06/2016	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc (Ông Nguyễn Tri Ân – để thực hiện chế độ nghỉ hưu theo quy định).
07	1066/NQ/CĐTĐ-HĐQT	11/06/2016	Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc (Ông Huỳnh Vĩnh Phú).
08	1067/NQ/CĐTĐ-HĐQT	11/06/2016	Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc (Ông Phùng

		Quang Khang).
09	1068/NQ/CĐTĐ-HĐQT	11/06/2016 Bổ nhiệm chức danh Kế Toán Trưởng (Bà Vương Thị Bảo Giang).
10	1236/NQ/CĐTĐ-HĐQT	01/07/2016 Chi trả cổ tức cho niên độ tài chính 2015
11	1626/NQ/CĐTĐ-HĐQT	11/08/2016 Thông qua chủ trương chương trình đổi mới, tái cơ cấu tổ chức – sản xuất kinh doanh của Công ty.
12	1627/NQ/CĐTĐ-HĐQT	11/08/2016 Thông qua việc bán đấu giá lại tài sản đất đai của Công ty tại Long Thành – Đồng Nai và Vũng Tàu.
13	2559/NQ/CĐTĐ-HĐQT	21/11/2016 Thông qua nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 – lần 2 của Công ty.

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC****TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

V/v : Biểu quyết thông qua các chỉ tiêu thực hiện trong kế hoạch SXKD năm 2016 - chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC**

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014-QH13 - được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động (đã sửa đổi, bổ sung) của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 30/06/2016.

Hội đồng Quản trị CTCP Cơ Điện Thủ Đức kính trình Đại hội cổ đông biểu quyết thông qua nội dung các chỉ tiêu thực hiện công tác sản xuất kinh doanh năm 2016, kế hoạch kinh doanh năm 2017 của Công Ty như sau :

1. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016. Với các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện được:

(TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THÔNG QUA)

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2016	Ghi chú
Vốn điều lệ	đồng	114.730.000.000	
Tổng doanh thu	đồng	278.366.834.666	KH: 266,5 tỷ
Nộp Ngân sách	đồng	18.438.613.726	Theo quy định của NN
Lao động bình quân	người	321	
Thu nhập bình quân người/tháng	đồng	7.800.000	KH : 7.000.000
Lợi nhuận trước thuế	đồng	1.555.991.282	KH: 4 tỷ
Thuế TNDN	đồng	259.590.035	
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	đồng	1.296.401.247	KH: 3,2 tỷ

<u>Trích lập các quỹ</u>			
Quỹ đầu tư phát triển (dự kiến trích theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016)	đồng	-	
Quỹ khen thưởng phúc lợi (dự kiến trích theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016).	đồng	156.000.000	
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (dự kiến 10%LNST, tối đa không quá 200Tr.Đ)	đồng	-	
Lợi nhuận chưa phân phối 2016: (1)	đồng	1.140.401.247	
Lợi nhuận chưa phân phối (các năm trước) : (2)	đồng	(33.864.202)	
Cộng Lợi nhuận chưa phân phối : (1) + (2)	đồng	1.106.537.045	
Chia cổ tức	đồng	-	
Lợi nhuận giữ lại	đồng	1.106.537.045	
Tỷ lệ chi trả cổ tức (trên vốn điều lệ là 114,73 tỷ)	%	0%	

2. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc về Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017. Với các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện như sau:

(TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THÔNG QUA)

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch thực hiện năm 2017	Ghi chú
Vốn điều lệ	đồng	114.730.000.000	

Tổng doanh thu	đồng	292.000.000.000	
Nộp Ngân sách	đồng		Theo quy định của NN
Lao động	người	180	
Thu nhập bình quân người/tháng	đồng	8.000.000	Trường hợp kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2017 đạt vượt kế hoạch thì Công ty có chế độ tăng tỷ lệ % tiền lương cho CBCNV (tăng cao hơn mức 8.000.000đ/ng/tháng) để động viên, kích thích tinh thần lao động sản xuất
Lợi nhuận trước thuế	đồng	3.200.000.000	
Thuế TNDN (20%)	đồng	640.000.000	
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	đồng	2.560.000.000	
<u>Trích lập các quỹ</u>			
Quỹ đầu tư phát triển	đồng	-	
Quỹ khen thưởng phúc lợi.	đồng	156.000.000	<i>Công ty sẽ trích lập với mức tối đa theo như tỷ lệ % dự kiến 2 quỹ KT-PL và thưởng Ban QLĐH trong lợi nhuận sau thuế nếu mức tổng lợi nhuận trước thuế cả năm 2017 của đơn vị đạt vượt kế hoạch (3,2 tỷ đồng) và đã đảm bảo khoản chi cổ tức 3 %/vốn điều lệ cho cổ đông.</i>
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (10% Lợi nhuận sau thuế nhưng tối đa không quá 200Tr.đ)	đồng		
Lợi nhuận còn lại	đồng	2.400.000.000	
Lợi nhuận của năm trước còn lại	đồng	1.106.537.045	
Chia cổ tức :	đồng	3.441.900.000	3 %
Lợi nhuận giữ lại	đồng	64.637.045	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông .
TP.HCM, ngày 27 tháng 05 năm 2017.
TM .HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC
CHỦ TỊCH

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v : Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công Ty trong năm 2017

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC**

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014-QH13 - được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 30/06/2016.
- Vận dụng các căn cứ các hướng dẫn hiện hành của Nhà nước về xây dựng Quy chế tài chính trong Doanh nghiệp;

Để đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Cán bộ Quản lý của Công Ty trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua việc trích **Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công Ty** trong năm tài chính 2017 như sau :

1. **Mục đích** : Thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Cán bộ quản lý của Công ty khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm .
2. **Mức trích** : Trích bằng **10% lợi nhuận sau thuế, nhưng không quá 200 triệu đồng** với điều kiện tỷ suất lợi nhuận thực hiện trước thuế trên vốn điều lệ của Công Ty phải cao hơn tỷ suất lợi nhuận kế hoạch (trong phương án sản xuất kinh doanh năm 2017 trình ĐHĐCĐ thông qua); Trường hợp tỷ suất lợi nhuận thực hiện trước thuế thấp hơn kế hoạch thì không trích thưởng.
3. Việc sử dụng Quỹ thưởng trên phải thực hiện công khai theo quy chế tài chính, quy chế dân chủ của Công Ty cổ phần Cơ Điện Thủ Đức.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua .

TP.HCM, ngày 27 tháng 05 năm 2017

**TM .HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC**

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

v/v : Tiền thù lao Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát, và tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc Công ty trong năm tài chính 2017

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC**

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014-QH13 - được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động (đã sửa đổi, bổ sung) của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 30/06/2016;

Để đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc điều hành và giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua mức thù lao, tiền lương cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2017 như sau :

- Tiền lương Chủ Tịch Hội đồng Quản trị : **22.500.000 đồng/tháng;**
 - Tiền lương của Tổng Giám Đốc Công Ty: **19.000.000 đồng/tháng;**
 - Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị (kiêm nhiệm) : **3.000.000 đồng/người/tháng;**
 - Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: **10.000.000 đồng/tháng;**
 - Thù lao thành viên Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm) : **2.000.000đồng/người/tháng;**
- ❖ **TỔNG CỘNG: 774.000.000đ (Bảy trăm bảy mươi bốn triệu đồng),** trong đó :
- Tiền thù lao (không bao gồm thuế TNCN) của các Thành viên Hội Đồng Quản trị Ban Kiểm soát (kiêm nhiệm) trong năm 2017 là : **156.000.000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng)**
 - Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong năm 2017 là : **270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng)**
 - Tiền lương của Tổng Giám Đốc Công ty trong năm 2017 là : **228.000.000đ (Hai trăm hai mươi tám triệu đồng)**
 - Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách trong năm 2017 là : **120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng);**

- *Các khoản thu nhập của các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc bao gồm: tiền thuế thu nhập cá nhân, tiền lương, thù lao nêu trên được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TP.HCM, ngày 27 tháng 05 năm 2017

TM .HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2017

TỜ TRÌNH

Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Cơ Điện Thủ Đức

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của CTCP Cơ Điện Thủ Đức;

Để đảm bảo hoạt động của CTCP Cơ Điện Thủ Đức phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách ba đơn vị kiểm toán để lựa chọn một trong ba đơn vị sẽ thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2017 như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán TPP

Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây, tòa nhà Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, P.Dịch Vọng, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội.

2. Công ty Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K

Địa chỉ: 23/61 đường Trần Duy Hưng, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội.

3. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA)

Địa chỉ: Số 3 ngõ 1295, đường Giải Phóng, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP.Hà Nội.

Việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2017 sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT EMC;
- Lưu BKS.

**TM. Ban kiểm soát
Trưởng Ban**

Nguyễn Thị Thu Tâm

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 30 tháng 03 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Mã chứng khoán: EMC

Địa chỉ trụ sở chính: Km 9 xa lộ Hà Nội, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: 08.22144647

Fax: 08.38963159

Người thực hiện công bố thông tin: NGUYỄN MINH QUANG – Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: Km 9 xa lộ Hà Nội, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0963964165

Fax: 08.38963159

Loại thông tin công bố: Định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*): Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/03/2017

tại đường dẫn www.codientd.com/quan-he-co-dong của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

-(*): Báo cáo tài chính năm 2016 (đã kiểm toán)

**Người đại diện theo pháp luật
Chủ tịch Hội đồng Quản trị**



Nguyễn Minh Quang

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CTY CP CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **511 /CĐTD-KTTC**

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

V/v: Giải trình LNST giảm hơn 10%
BCTC kiểm toán năm 2016 so với 2015.

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Theo yêu cầu của Quý Sở về việc giải trình lợi nhuận sau thuế giảm hơn 10% trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 so với năm 2015. Do doanh thu bán hàng năm 2016 giảm 41,47 tỷ so với năm 2015, chỉ bằng 67,31% so với năm 2015, chi phí quản lý tăng (do chi phí trợ cấp mất việc làm tăng), vì vậy, lợi nhuận sau thuế năm 2016 cũng giảm, chỉ đạt 1.296 triệu đồng (giảm còn 43,10% so với năm 2015).

Công ty Cổ Phần Cơ Điện Thủ Đức kính trình Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh xem xét.

Trân trọng.

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN MINH QUANG

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP, HĐQT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Của: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5-6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:	
Bảng cân đối kế toán	07 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức (tiền thân là Công ty Cơ điện Thủ Đức) được cổ phần hóa theo Quyết định số 1795/QĐ-BCN ngày 11 tháng 07 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008956 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần thứ 05 với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301824508 vào ngày 20 tháng 06 năm 2016.

Vốn Điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 114.730.000.000 đồng (*Một trăm mười bốn tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng*.)

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: KM9, Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Chế tạo máy biến áp, chế tạo phụ tùng chi các nhà máy điện, phụ kiện đường dây và trạm điện, tủ bảng điện các loại;
- Thí nghiệm và sửa chữa thiết bị điện; sửa chữa, lắp đặt các tổ máy phát điện Diesel;
- Khai thác, xây dựng các công trình nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây lắp các công trình điện công nghiệp, dân dụng đến cấp điện 220KV;
- Gia công cơ khí, sản xuất trụ điện thép và giá đỡ thiết bị đến 500KV;
- Sản xuất các loại cáp điện, dây điện tử;
- Kinh doanh và xuất nhập khẩu máy biến áp, các phụ tùng, thiết bị điện và thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông;
- Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa;
- Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Môi giới bất động sản; dịch vụ định giá bất động sản, sản giao dịch bất động sản; dịch vụ tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản (trừ tư vấn pháp lý).
- Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh bất động sản.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Quang	Chủ tịch
Ông Bùi Phước Quăng	Ủy viên
Ông Lê Đình Kiệt	Ủy viên
Ông Lê Việt Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Tri Ân	Ủy viên

Miễn nhiệm ngày 01/07/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Phước Quảng	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Đình Kiệt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tri Ân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/06/2016
Ông Huỳnh Vĩnh Phú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/06/2016
Ông Phùng Quang Khang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/06/2016
Bà Vương Thị Bảo Giang	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 13/06/2016

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 30/06/2016
Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01/07/2016
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 01/07/2016
Ông Lê Minh Hải	Kiểm soát viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2016
Bà Nguyễn Ngọc Dung	Kiểm soát viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP (đã được đổi tên từ Công ty TNHH Kiểm toán ASC). Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các Công ty đại chúng, Công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

TM. Hội đồng quản trị
Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Minh Quang



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 166 / BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức

Kính gửi: Quý cổ đông

Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức được lập gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày từ trang 07 đến trang 44 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề khác:

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức đã được Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội – CPA Hà Nội kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP



Nguyễn Chi Thành
Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
số 0647-2017-133-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Kiểm toán viên

Lê Phương Anh
Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
số 0739-2017-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		256.185.663.030	248.462.325.870
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	29.548.258.178	7.877.665.566
1. Tiền	111		29.548.258.178	7.877.665.566
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.204.689.570	55.439.850.039
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	29.616.828.909	45.327.467.816
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03a	4.810.373.620	6.205.867.808
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	5.852.258.865	6.268.876.789
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2.074.771.824)	(2.362.362.374)
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	188.157.882.635	184.405.521.343
1. Hàng tồn kho	141		188.402.808.056	184.676.249.735
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(244.925.421)	(270.728.392)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		274.832.647	739.288.922
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	252.150.391	677.219.799
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.729.161
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	22.682.256	59.339.962
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.582.476.696	43.184.345.943
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		24.900.000	35.179.074
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	24.900.000	35.179.074
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		30.049.664.357	33.885.480.657
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	19.450.119.602	22.399.995.356
- Nguyên giá	222		87.044.871.238	88.672.974.598
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(67.594.751.636)	(66.272.979.242)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	10.599.544.755	11.485.485.301
- Nguyên giá	228		11.322.237.487	12.054.257.487
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(722.692.732)	(568.772.186)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	1.320.816.291	250.477.155
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.320.816.291	250.477.155
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	9.864.034.800	8.460.847.333
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.089.265.685	10.089.265.685
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(225.230.885)	(1.628.418.352)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		323.061.248	552.361.724
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	323.061.248	552.361.724
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		297.768.139.726	291.646.671.813

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		177.729.472.291	205.652.573.618
I. Nợ ngắn hạn	310		176.440.719.241	203.477.835.116
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	50.471.038.112	28.941.596.832
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	5.872.584.174	5.353.846.912
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	1.375.812.545	3.430.952.048
4. Phải trả người lao động	314		32.300.936	190.778.480
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15a	106.461.713	392.966.216
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	2.494.581.600	3.506.642.781
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	112.885.341.721	158.629.355.601
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	2.251.248.211	2.026.272.418
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		951.350.229	1.005.423.828
II. Nợ dài hạn	330		1.288.753.050	2.174.738.502
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	8.000.000	8.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	1.280.753.050	1.641.715.050
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	-	525.023.452
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		120.038.667.435	85.994.098.195
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	119.849.654.152	85.661.538.812
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		114.730.000.000	80.730.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.268.427.273	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.588.689.834	1.652.689.834
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.262.537.045	3.278.848.978
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(33.864.202)	271.638.331
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.296.401.247	3.007.210.647
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430	V.20	189.013.283	332.559.383
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		189.013.283	332.559.383
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		297.768.139.726	291.646.671.813

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thị Mộng Duyên

Vương Thị Bảo Giang

Nguyễn Minh Quang



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	276.729.788.593	318.195.391.623
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		276.729.788.593	318.195.391.623
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	231.121.104.501	267.359.444.617
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		45.608.684.092	50.835.947.006
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	641.628.151	208.134.961
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	9.967.382.399	14.647.196.880
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.333.614.015	14.633.078.060
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	16.153.642.277	13.006.532.981
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.5	19.392.688.510	18.435.873.354
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		736.599.057	4.954.478.752
11. Thu nhập khác	31	VL.6	995.417.922	1.318.576.891
12. Chi phí khác	32	VL.7	176.025.697	2.096.499.532
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		819.392.225	(777.922.641)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.555.991.282	4.176.556.111
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL.8	259.590.035	1.169.345.464
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.296.401.247	3.007.210.647
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.09	128,78	372,50
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thị Mộng Duyên

Vương Thị Bảo Giang

Nguyễn Minh Quang



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế		1.555.991.282	4.176.556.111
2. Điều chỉnh cho các khoản		12.149.789.786	17.901.468.616
+ Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT		4.122.336.401	4.134.589.968
+ Các khoản dự phòng		(1.716.580.988)	(481.137.502)
+ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.589.579.642)	(385.061.910)
+ Chi phí lãi vay		11.333.614.015	14.633.078.060
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.705.781.068	22.078.024.727
(Tăng)/giảm các khoản phải thu		17.572.416.960	26.197.462.433
(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(3.726.558.321)	(34.017.134.818)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả		18.687.046.140	(8.362.564.922)
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
(Tăng)/giảm chi phí trả trước		654.369.884	(490.359.221)
Tiền lãi vay đã trả		(11.333.614.015)	(14.476.667.710)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.564.070.902)	(756.397.425)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			74.599.753
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			(192.176.629)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		33.995.370.814	(9.945.213.812)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(1.356.859.237)	(2.737.750.702)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		959.781.483	271.444.000
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		629.798.159	113.617.910
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		232.720.405	(2.352.688.792)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		35.268.427.273	
3. Tiền thu từ đi vay		199.391.482.883	337.379.465.667
4. Tiền trả nợ gốc vay		(245.496.458.763)	(330.521.571.767)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.720.950.000)	(1.686.614.100)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		(12.557.498.607)	5.171.279.800
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		21.670.592.612	(7.126.622.804)
Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.877.665.566	15.024.880.714
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			(20.592.344)
Tiền và tương đương tiền cuối năm		29.548.258.178	7.877.665.566

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mộng Duyên

Kế toán trưởng

Vương Thị Bảo Giang

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2017

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Minh Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Công ty

Công ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức (tiền thân là Công ty Cơ điện Thủ Đức) được cổ phần hóa theo Quyết định số 1795/QĐ-BCN ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008956 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần thứ 5 với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301824508 vào ngày 20 tháng 06 năm 2016.

Vốn Điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 114.730.000.000 đồng (Một trăm mười bốn tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng.)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần, tương đương 11.473.000 cổ phần

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: KM9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Chế tạo, sửa chữa các loại sản phẩm thuộc ngành cơ khí điện lực.

3. Ngành nghề kinh doanh của Công ty này bao gồm

- Chế tạo máy biến áp, chế tạo phụ tùng chi các nhà máy điện, phụ kiện đường dây và trạm điện, tủ bảng điện các loại;
- Thí nghiệm và sửa chữa thiết bị điện; sửa chữa, lắp đặt các tổ máy phát điện Diesel;
- Khai thác, xây dựng các công trình nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây lắp các công trình điện công nghiệp, dân dụng đến cấp điện 220KV;
- Gia công cơ khí, sản xuất trụ điện thép và giá đỡ thiết bị đến 500KV;
- Sản xuất các loại cáp điện, dây điện tử;
- Kinh doanh và xuất nhập khẩu máy biến áp, các phụ tùng, thiết bị điện và thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông;
- Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa;
- Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Môi giới bất động sản; dịch vụ định giá bất động sản, sản giao dịch bất động sản; dịch vụ tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản (trừ tư vấn pháp lý).
- Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh bất động sản.

I. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu được thực hiện ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

4. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo Thông tư 45/2013/BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016:

-Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06- 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- TSCĐ khác	05 -20 năm
- TSCĐ vô hình	09 - 50 năm

7. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

10. Chi phí phải trả, chi phí bảo hành sản phẩm

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi) phát sinh khi Công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trừ đi giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu được ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng

giá trị khoản đầu tư tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán đối với trường hợp Công ty là chủ đầu tư kinh doanh bất động sản

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

15. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Tiền mặt	102.250.500	23.727.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.446.007.678	7.853.938.566
+ Tiền gửi VND	29.296.610.157	7.741.578.161
Ngân hàng ACB CN Tân Bình	5.868.305	5.838.637
Ngân hàng An Bình CN Sài Gòn	88.864.781	6.856.528
Ngân hàng HDBank	131.979.747	41.009.000
Ngân hàng EximBank		46.661.282
Ngân hàng VietinBank CN Đông Sài Gòn	15.166.734.169	155.624.445
Ngân hàng Quốc Dân CN Tân Hương	5.207.167	5.180.337
Ngân hàng Quốc Dân CN Xô Viết Nghệ Tĩnh	3.073.670	3.057.833
Ngân hàng Phương Đông CN Thủ Đức		10.418.852
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín CN Thủ Đức	19.911.820	885.290.133
Ngân hàng Techcombank CN Gia Định	2.061.200	3.271.200
Ngân hàng Việt Á CN Bình Dương		934.423
Ngân hàng VietBank CN Đầm Sen	13.662.918.509	6.567.721.840
Ngân hàng Vietcombank CN Thủ Đức	204.567.558	4.213.976
Ngân hàng SCB PGD Nguyễn Công Trứ	5.423.231	5.499.675
+ Tiền gửi USD	149.397.521	112.360.405
Ngân hàng ACB CN Tân Bình	1.717.712	1.702.302
Ngân hàng An Bình CN Sài Gòn	2.385.686	2.358.075
Ngân hàng EximBank		1.581.378
Ngân hàng VietinBank CN Đông Sài Gòn	5.567.584	5.503.842
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín CN Thủ Đức	177.749	87.691.481
Ngân hàng VietBank CN Đầm Sen	5.791.152	4.679.823
Ngân hàng Vietcombank CN Thủ Đức	133.757.638	8.843.504
Cộng	29.548.258.178	7.877.665.566

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	29.616.828.909	(2.074.771.824)	45.327.467.816	(2.362.362.374)
Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh	-		5.514.560.220	
Công ty CP Thiết bị điện Hoàng Lê Anh	3.247.627.900		7.815.717.900	
Công ty TNHH Thiết bị điện Tân Phú			4.871.035.400	
Công ty Điện Lực Duyên Hải	2.097.114.800			
Công ty Điện Lực Củ Chi	3.627.199.400			
Công ty Điện lực Hóc Môn	4.262.533.000			
Ban quản lý dự án Thủy điện 1	4.795.345.833		4.938.295.399	
- Các đối tượng khác	11.587.007.976	(2.074.771.824)	22.187.858.897	(2.362.362.374)
Cộng	29.616.828.909	(2.074.771.824)	45.327.467.816	(2.362.362.374)

c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

		Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Điện lực Duyên Hải	Cùng tập đoàn	2.097.114.800	536.809.235
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	Cùng tập đoàn	-	46.701.630
Công ty CP VTVT - XL Điện lực Miền Trung	Cùng tập đoàn	103.353.376	103.353.376
Công ty Điện lực Đak Nông	Cùng tập đoàn	-	1.710.500.000
Công ty Điện lực TP HCM	Cùng tập đoàn	-	5.514.560.220
Công ty Điện lực Hóc Môn	Cùng tập đoàn	4.262.533.000	-
Công ty Điện lực Củ Chi	Cùng tập đoàn	3.627.199.400	-
BQLDA các Công trình điện Miền Nam	Cùng tập đoàn	78.561.114	78.561.114
Công ty lưới điện cao thế TP HCM	Cùng tập đoàn	-	344.037.727
Công ty Điện lực Bình Chánh	Cùng tập đoàn	-	3.832.191.000
BQLDA lưới điện Hà Nội- TCT Điện lực Hà Nội	Cùng tập đoàn	350.186.152	350.186.152
Công ty Điện lực Bình Thuận	Cùng tập đoàn	548.208.902	-
Điện lực Khánh Hòa	Cùng tập đoàn	48.035.050	48.035.050
Công ty Điện lực Tây Ninh	Cùng tập đoàn	177.629.100	1.727.220.000
Đội xây lắp điện 2 - Công ty xây lắp điện 2	Cùng tập đoàn	20.000.000	-
BQL dự án thủy điện 7	Cùng tập đoàn	1.837.144.211	1.837.144.211
Công ty CP Cơ điện Miền Trung- XN cơ điện	Cùng tập đoàn	177.396.373	177.396.373
BQLDA thủy điện 2	Cùng tập đoàn	72.848.688	681.022.801
BQLDA thủy điện 1	Cùng tập đoàn	4.795.345.833	4.938.295.399
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ	-	45.607.012
Trung tâm tư vấn và phát triển điện	Cùng tập đoàn	-	38.703.322
Công ty Điện lực Thủ Đức	Cùng tập đoàn		485.048.388
Cộng		18.195.555.999	22.495.373.010

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	4.810.373.620	-	6.205.867.808	-
Công ty Amcor	1.662.974.121		856.163.573	
Công ty Mitsubishi			1.614.240.000	
Công ty Shin ETSU FILM			1.964.616.000	
Công ty Arkema	1.370.936.000			
Các đối tượng khác	1.776.463.499		1.770.848.235	
Cộng	4.810.373.620	-	6.205.867.808	-

4. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	5.852.258.865	-	6.268.876.789	-
- Dư nợ BHTN	33.212.004			
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	142.496.869		1.127.000.000	
- Phải thu người lao động	-		86.497.294	
- Dư nợ trả Bảo hiểm y tế	230.101.134		103.591.696	
- Dư nợ trả Kinh phí công đoàn	-		6.206.742	
- Dư nợ trả BHXH	537.537.314			
- Tạm ứng	4.033.625.020		3.959.667.352	
- Phải thu khác	875.286.524		985.913.705	
b. Dài hạn	24.900.000	-	35.179.074	-
- Ký cược, ký quỹ	24.900.000		35.179.074	
Cộng	5.877.158.865	-	6.304.055.863	-

5. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.154.700.248	79.928.424	2.582.280.598	219.918.224
Chi tiết				
Triệu Thị Chiên	3.186.361	-	3.186.361	-
Công ty CP Cơ điện Cần Thơ		-	68.168.150	-
Công ty CP Xây lắp điện Hưng Phúc	1.554.361	-	1.554.361	-
Công ty Thanh Luân - Đaklak	2.141.150	-	2.141.150	-
Công ty TNHH Đỗ Huỳnh	25.404.744	-	25.404.744	-
Công ty XLDĐ Nam Đông	102.341.000	-	102.341.000	-
Công ty XD CN dân dụng MC	150.000.000	-	150.000.000	-
Võ Văn Hai	25.000.000	-	25.000.000	-
Công ty CP TM XD Sài Gòn	35.000.050	-	35.000.050	-
Công ty XDĐ TM Liên Phát	25.641.000	-	25.641.000	-
Công ty TNHH XDĐ TM Thanh Bình	20.277.700	-	20.277.700	-
Công ty TM SX DV XDĐ Hữu Toàn	85.000.000	-	85.000.000	-
Công ty XDĐ Ngọc Lan	34.716.450	-	34.716.450	-
Công ty XDĐ TM Trần Vũ A.E.C	58.459.250	-	58.459.250	-
Đội XLĐ 5 - Công ty xây lắp điện 2	20.000.000	-	20.000.000	-
Công ty XDĐ tài khoa T.A.CO	63.459.250	-	63.459.250	-
Công ty TNHH Hà Nguyễn	5.623.063	-	5.623.063	-
Công ty TNHH TV Thiết kế XDĐ TM EC&T	13.511.300	-	13.511.300	-
Công ty CP TMDV điện tín Việt		-	9.432.600	-

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Huy Nam	1.542.605	-	1.542.605	-
Công ty TNHH Tân Thiên Long	1.645.440	-	1.645.440	-
Nguyễn Văn Liền	2.941.630	-	2.941.630	-
Ô Sáu Bách	9.248.000	-	9.248.000	-
HTX Trà Cú	15.488.000	-	15.488.000	-
Công ty TNHH Thành Tín	1.206.110	-	1.206.110	-
Công ty TNHH Kim Long	3.527.100	-	3.527.100	-
Công ty TNHH XD TM Hoàng Dũng	20.116.900	-	20.116.900	-
Công ty SX TM Tân Phúc Thịnh	3.826.793	-	3.826.793	-
Công ty TNHH Lan Anh	3.012.750	-	3.012.750	-
Công ty XLDĐ XD Miền Nam	8.000.000	-	8.000.000	-
Công ty Xây dựng số 16	7.445.800	-	7.445.800	-
Công ty TH XDĐ Nam Sài Gòn	20.337.812	-	20.337.812	-
Công ty TNHH MTV SX và XD Điện Hoàng Ngân			99.979.600	49.989.800
Nhà máy Hoàng Lê An Giang	66.550.000		66.550.000	
Công ty CP ĐTKD Điện lực HCM	-		-	-
XN Dân dụng & CN CT	41.379.000	-	41.379.000	-
Coogn ty XLĐ Văn Dũng - ĐT	161.486.400	-	161.486.400	-
Lê Hòa Thái	6.000.000	-	6.000.000	-
Công ty XLĐ TM Nam Phát	26.998.000	-	26.998.000	-
Công ty TNHH XD Miền Nam Vĩnh Long	122.690.105	-	122.690.105	-
SAAG CON SOLIDATED	523.614.044	-	523.614.044	-
MAK THORN	116.428.080	34.928.424	116.428.080	34.928.424
Công ty Cổ phần điện Sóng Thần	169.900.000		299.900.000	-
Công ty TNHH XD TM Thiên Ngọc	150.000.000	45.000.000	270.000.000	135.000.000
Cộng	2.154.700.248	79.928.424	2.582.280.598	219.918.224

6. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	42.300.224.390	(244.925.421)	62.495.266.847	(270.728.392)
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	96.787.464.264		70.712.925.846	
- Thành phẩm	49.315.119.402		51.468.057.042	
Cộng	188.402.808.056	(244.925.421)	184.676.249.735	(270.728.392)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 244.925.421 đồng.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 đồng.

- Lý do hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Do bán được một số nguyên liệu, vật liệu nằm trong danh sách đã trích lập dự phòng từ năm trước.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	252.150.391	677.219.799
Công cụ dụng cụ phân bổ	220.752.099	662.415.265
Tiền thuế đất		
Chi phí khác	31.398.292	14.804.534
b. Dài hạn	323.061.248	552.361.724
Chi phí sửa chữa thường xuyên	164.592.716	479.796.872
Chi phí bảo hiểm	4.806.316	11.989.558
Chi phí khác	153.662.216	60.575.294
Cộng	575.211.639	1.229.581.523

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (phụ lục 1)

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chi phí đền bù GPMB	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	12.054.257.487				12.054.257.487
Số tăng trong năm					
Số giảm trong năm	732.020.000				732.020.000
- Thanh lý tài sản	732.020.000				732.020.000
Số dư cuối năm	11.322.237.487				11.322.237.487
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	568.772.186				568.772.186
Số tăng trong năm	307.780.306				307.780.306
- KH trong năm	307.780.306				307.780.306
Số giảm trong năm	153.859.760				153.859.760
- Thanh lý tài sản	153.859.760				153.859.760
Số dư cuối năm	722.692.732				722.692.732
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	11.485.485.301				11.485.485.301
Tại ngày cuối năm	10.599.544.755				10.599.544.755

- Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 31/12/2016 đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng: 0 VND.

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình tại ngày 31/12/2016 đem cầm cố, thế chấp: 0 VND.

10. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Mua sắm tài sản cố định:		
+ Chi phí gia công để máy		28.064.882
+ Giấy chứng nhận MBT 400KVA	520.967.790	
+ Chi phí gia công bồn xử lý nước thải	325.224.529	
+ Chi phí vận hành thử máy		199.185.000
+ Máy cắt tole tự động- Đội vận hành CNM	2.306.347	
+ Máy quấn dây cao tự động- Đội vận hành CNM	6.701.323	
+ Máy quấn dây hạ tự động- Đội vận hành CNM	29.018.550	
+ Lò sấy MBA- Đội vận hành CNM	66.801.259	
+ CP vận hành thử máy quấn dây	199.185.000	
+ Chi phí sửa chữa kho chứa máy biến thế, lò sấy MBT	23.227.273	23.227.273
- Sửa chữa:		
+ Đại tu lò sấy MBT 3 pha- PX BTI	27.505.109	
+ Đại tu lò sấy chân không- PX BTI	2.847.830	
+ SC xe nâng 7T- PX VT	28.760.350	
+ SC kho A P. VT	88.270.931	
Cộng	1.320.816.291	250.477.155

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (phụ lục 2)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	50.471.038.112	50.471.038.112	28.941.596.832	28.941.596.832
Công ty CP Ngô Han	19.072.261.735	19.072.261.735	13.286.782.411	13.286.782.411
Công ty TNHH JFE SHOJI Việt Nam	1.500.451.084	1.500.451.084	3.586.801.590	3.586.801.590
Công ty TNHH Thương mại Đức Biên	3.214.625.000	3.214.625.000	1.860.247.840	1.860.247.840
Công ty TNHH Sông Hồng Việt	20.719.536.714	20.719.536.714		-
- Các đối tượng khác	5.964.163.579	5.964.163.579	10.207.764.991	10.207.764.991
Cộng	50.471.038.112	50.471.038.112	28.941.596.832	28.941.596.832

Phải trả người bán là các bên liên quan		Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Điện 1	Cùng tập đoàn		512.369.336
Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	Cùng tập đoàn	272.697.572	4.520.532.030
Công ty Lưới Điện Cao Thế Miền Nam	Cùng tập đoàn		225.716.213
Trung tâm công nghệ Thông tin EVN	Cùng tập đoàn	110.988.930	
Cộng		383.686.502	5.258.617.579

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.872.584.174	5.872.584.174	5.353.846.912	5.353.846.912
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	3.224.517.520	3.224.517.520	4.520.532.030	4.520.532.030
- Công ty lưới điện cao thế TP HCM	1.490.363.552	1.490.363.552		-
- Tổng công ty điện lực HCM TNHH	975.437.760	975.437.760		-
- Các đối tượng khác	182.265.342	182.265.342	833.314.882	833.314.882
Cộng	5.872.584.174	5.872.584.174	5.353.846.912	5.353.846.912

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Cùng tập đoàn	3.224.517.520	4.520.532.030
Công ty lưới điện cao thế TP HCM	Cùng tập đoàn	1.490.363.552	
Tổng công ty điện lực HCM TNHH	Cùng tập đoàn	975.437.760	
Cộng		5.690.318.832	4.520.532.030

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a. Phải nộp Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Thuế nộp bổ sung	Số dư cuối năm
Thuế GTGT phải nộp	2.624.402.524	29.601.956.848	31.390.557.662		835.801.710
Thuế xuất, nhập khẩu		152.079.025	152.079.025		-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	782.035.451	759.353.195	1.541.388.646		-
Thuế thu nhập cá nhân	1.100.000	80.385.169	77.545.169		3.940.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		5.368.549.020	4.887.768.310		480.780.710
Thuế bảo vệ môi trường và các thuế khác	23.414.073	724.770.064	692.894.012		55.290.125
Cộng	3.430.952.048	36.687.093.321	38.742.232.824	-	1.375.812.545

b. Phải thu

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Thuế nộp bổ sung	Số dư cuối năm
	(a)	(b)	(c)	(d)	(e)=(a)+(b)-(c)+(d)
Thuế TNDN			22.682.256		22.682.256
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	19.268.600	19.268.600			-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	40.071.362		40.071.362		-
Cộng	59.339.962	19.268.600	62.753.618	-	22.682.256

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a. Ngắn hạn

- Chi phí lãi vay phải trả

Cộng

Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
106.461.713	392.966.216
106.461.713	392.966.216

16. PHẢI TRẢ KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	2.494.581.600	3.506.642.781
- Kinh phí công đoàn	102.274.638	-
- Bảo hiểm xã hội	-	55.159.269
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	116.525.140	44.925.140
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	507.486.086	423.497.013
- Cổ tức phải trả	1.768.295.736	2.969.399.595
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	13.661.764
b. Dài hạn	8.000.000	8.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.000.000	8.000.000
Cộng	2.502.581.600	3.514.642.781

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (phụ lục 3)

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	2.251.248.211	2.026.272.418
b. Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	-	525.023.452
Cộng	2.251.248.211	2.551.295.870

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 4)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	Tỷ lệ	Đơn vị tính: VND	
	VND	%	Số đầu năm	Tỷ lệ
			VND	%
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	45.952.220.000	40,05	45.952.220.000	56,92
- Vốn góp của các đối tượng khác	68.777.780.000	59,95	34.777.780.000	43,08
Cộng	114.730.000.000	100	80.730.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	80.730.000.000	80.730.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	34.000.000.000	
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	114.730.000.000	80.730.000.000

d. Cổ phiếu	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.473.000	8.073.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.473.000	8.073.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.473.000	8.073.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.473.000	8.073.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.473.000	8.073.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e. Các quỹ Công ty	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.588.689.834	1.652.689.834
Trong đó: <i>Quỹ đầu tư phát triển sản xuất</i>	2.588.689.834	1.652.689.834
Cộng	2.588.689.834	1.652.689.834

20. NGUỒN KINH PHÍ VÀ CÁC QUỸ KHÁC	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	189.013.283	332.559.383
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	189.013.283	332.559.383

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngoại tệ các loại		
- Đồng Đô la Mỹ (USD)	6.463,34	5.192,62
- Đồng EURO (EUR)	105,16	105,16
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)		
b. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.452.520.327	2.452.520.327

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. DOANH THU	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu	276.729.788.593	318.195.391.623
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	273.438.660.921	307.284.985.620
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.291.127.672	10.910.406.003
Doanh thu thuần	276.729.788.593	318.195.391.623

Doanh thu với các bên liên quan như sau:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Điện lực Duyên Hải	Cùng tập đoàn	2.256.244.000	2.909.621.050
Công ty Điện lực Đak Nông	Cùng tập đoàn	-	2.832.000.000
Ban quản lý Thủy điện 1	Cùng tập đoàn	-	4.264.895.188
Công ty TNHH MTV ĐL Đà Nẵng	Cùng tập đoàn	-	7.310.000.000
Công ty Thí nghiệm điện miền Nam	Cùng tập đoàn	389.093.583	-
Công ty Điện lực Hóc Môn	Cùng tập đoàn	8.755.836.355	6.153.853.000
Công ty Điện lực Bình Chánh	Cùng tập đoàn	-	15.237.513.000
Công ty Điện lực An Phú Đông	Cùng tập đoàn	-	8.824.950.000
Công ty Điện lực Kiên Giang	Cùng tập đoàn	1.179.257.512	2.745.484.000
Công ty Điện lực Long An	Cùng tập đoàn	-	322.347.000
Công ty Điện lực Quảng Nam	Cùng tập đoàn	-	3.009.000.000
Công ty Điện lực Quảng Ngãi	Cùng tập đoàn	-	145.000.000
Công ty Điện lực Sóc Trăng	Cùng tập đoàn	479.522.000	-
Công ty Điện lực Thủ Đức	Cùng tập đoàn	13.636.364	6.944.780.000
Công ty Điện lực Tiền Giang	Cùng tập đoàn	2.094.778.000	2.909.792.000
Công ty Điện lực Tây Ninh	Cùng tập đoàn	14.240.548.290	13.107.283.000
Công ty Điện lực Vĩnh Long	Cùng tập đoàn	1.342.400.000	396.051.000
Xí nghiệp vật liệu thiết bị điện	Cùng tập đoàn	-	320.225.000
Công ty điện lực Bạc Liêu	Cùng tập đoàn	78.018.000	
Công ty điện lực Bình Thuận	Cùng tập đoàn	498.371.729	
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	Cùng tập đoàn		16.270.237.000
Tổng công ty điện lực miền Nam TNHH	Cùng tập đoàn	1.763.915.000	2.989.259.000
Công ty truyền tải điện 4	Cùng tập đoàn	310.112.360	
Tổng công ty điện lực TP HCM	Cùng tập đoàn	18.474.200.000	18.040.360.000
BQLDA lưới điện TP HCM	Cùng tập đoàn		820.000.000
Công ty điện lực củ chi - TCT điện lực TP HCM	Cùng tập đoàn	4.296.989.000	
Công ty lưới điện cao thế TP.HCM	Cùng tập đoàn		6.266.140.457
Công ty TNHH MTV nhiệt điện Thủ Đức	Cùng tập đoàn		3.257.500.000
Công ty điện lực Thái Nguyên	Cùng tập đoàn		900.000
Cộng		56.172.922.193	125.077.190.695

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	225.124.821.175	260.476.783.711
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.996.283.326	6.882.660.906
Cộng	231.121.104.501	267.359.444.617

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	205.283.159	113.617.910
Cổ tức, lợi nhuận được chia	424.515.000	
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện trong kỳ	11.829.992	94.517.051
Cộng	641.628.151	208.134.961

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	11.333.614.015	14.633.078.060
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(1.403.187.467)	(321.107.500)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	36.955.851	335.226.320
Cộng	9.967.382.399	14.647.196.880

5. CHI PHÍ SXKD THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	183.529.714.998	171.556.809.166
- Chi phí nhân công	37.554.289.901	39.337.569.675
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.458.381.956	4.876.315.850
- Thuế, phí, lệ phí	16.015.160	3.285.278.514
- Chi phí bảo hành	2.323.749.653	2.146.326.912
- Dự phòng phải thu khó đòi	(287.590.550)	2.137.325.319
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.558.449.612	2.332.451.610
- Chi phí khác bằng tiền	69.549.431.484	52.903.908.066
- Chi phí hoa hồng môi giới	287.681.965.045	3.863.998.708
Cộng	299.702.442.214	278.575.985.112

Trong đó bao gồm

a. Chi phí sản xuất

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	182.669.403.480	170.201.291.817
- Chi phí nhân công	32.562.319.047	34.845.862.987
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.680.791.589	4.134.589.968
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.277.777.989	1.165.597.485
- Chi phí khác bằng tiền	46.032.401.876	40.650.235.228
Cộng	266.222.693.981	250.997.577.485

b. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.671.030	63.229.896
- Chi phí nhân công	668.054.776	518.096.050
- Chi phí bảo hành	2.323.749.653	2.146.326.912
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	926.526.103	736.144.350
- Chi phí khác bằng tiền	10.099.058.161	5.678.737.065
- Chi phí hoa hồng môi giới	2.066.582.554	3.863.998.708
Cộng	16.153.642.277	13.006.532.981

c. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	790.640.488	1.292.287.453
- Chi phí nhân công	4.323.916.078	3.973.610.638
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	777.590.367	741.725.882
- Thuế, phí, lệ phí	16.015.160	3.285.278.514
- Dự phòng phải thu khó đòi	(287.590.550)	2.137.325.319
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	354.145.520	430.709.775
- Chi phí khác bằng tiền	13.417.971.447	6.574.935.773
Cộng	19.392.688.510	18.435.873.354

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	959.781.483	271.444.000
- Tiền phạt thu được	8.398.286	642.511.993
- Thuế được giảm		404.620.898
- Các khoản khác	27.238.153	
Cộng	995.417.922	1.318.576.891

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Các khoản bị phạt do vi phạm hợp đồng	47.659.750	917.044.877
- Các khoản bị cơ quan nhà nước phạt	126.727.101	
- Các khoản khác	1.638.846	1.179.454.655
Cộng	176.025.697	2.096.499.532

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	1.555.991.282	4.176.556.111
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(258.041.109)	1.138.650.541
Các khoản điều chỉnh tăng	166.473.891	1.138.650.541
- Chi phí thù lao HĐQT, Ban kiểm soát không được trừ	39.000.000	
- Chi phạt hành chính	126.727.101	1.138.650.541
- Chi phí khác	746.790	
Các khoản điều chỉnh giảm	424.515.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	424.515.000	
Thu nhập tính thuế	1.297.950.173	5.315.206.652
Thuế suất hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	259.590.035	1.169.345.464
Thuế TNDN phải nộp	259.590.035	1.169.345.464

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.296.401.247	3.007.210.647
Các khoản điều chỉnh :	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.296.401.247	3.007.210.647
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (*)	10.066.425	8.073.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	128,78	372,50
Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)	10.000 VND / CP	10.000 VND / CP

(*) : Xác định cổ phiếu bình quân trong kỳ

Ngày phát sinh	SL CP tăng	Ngày lưu hành trong kỳ	CP lưu hành bình quân trong kỳ
01/01/2016	8.073.000	365	8.073.000
31/05/2016	3.400.000	214	1.993.425
Cộng	11.473.000		10.066.425

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.548.258.178		7.877.665.566	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.493.987.774	(2.074.771.824)	51.631.523.679	(2.362.362.374)
Đầu tư dài hạn	10.089.265.685	(225.230.885)	10.089.265.685	(1.628.418.352)
Cộng	75.131.511.637	(2.300.002.709)	69.598.454.930	(3.990.780.726)

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ	114.166.094.771	160.271.070.651
Phải trả người bán, phải trả khác	52.973.619.712	32.456.239.613
Chi phí phải trả	2.357.709.924	2.944.262.086
Cộng	169.497.424.407	195.671.572.350

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	năm VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.548.258.178			29.548.258.178
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.469.087.774	24.900.000		35.493.987.774
Đầu tư dài hạn		10.089.265.685		10.089.265.685
Cộng	65.017.345.952	10.114.165.685	-	75.131.511.637
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.877.665.566			7.877.665.566
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.596.344.605	35.179.074		51.631.523.679
Đầu tư dài hạn		10.089.265.685		10.089.265.685
Cộng	59.474.010.171	10.124.444.759	-	69.598.454.930

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	112.885.341.721	1.280.753.050		114.166.094.771
Phải trả người bán, phải trả khác	52.965.619.712	8.000.000		52.973.619.712
Chi phí phải trả	2.357.709.924			2.357.709.924
Cộng	168.208.671.357	1.288.753.050	-	169.497.424.407
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm				
Vay và nợ	158.629.355.601	1.641.715.050		160.271.070.651
Phải trả người bán, phải trả khác	32.448.239.613	8.000.000		32.456.239.613
Chi phí phải trả	2.419.238.634	525.023.452		2.944.262.086
Cộng	193.496.833.848	2.174.738.502	-	195.671.572.350

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

2. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	<i>Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa</i>	<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>Tổng</i>
Doanh thu thuần ra bên ngoài	273.438.660.921	3.291.127.672	276.729.788.593
Tổng doanh thu thuần	273.438.660.921	3.291.127.672	276.729.788.593
Chi phí bộ phận	231.121.104.501	-	231.121.104.501
Kết quả kinh doanh bộ phận	42.317.556.420	3.291.127.672	45.608.684.092
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			35.546.330.787
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			10.062.353.305
Doanh thu hoạt động tài chính			641.628.151
Chi phí tài chính			9.967.382.399
Thu nhập khác			995.417.922
Chi phí khác			176.025.697
Thuế TNDN hiện hành			259.590.035
Lợi nhuận sau thuế			1.296.401.247

4. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần liên quan Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	1.262.632.741	1.266.112.949

5. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	13,96%	14,81%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	86,04%	85,19%
1.2 Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	59,69%	70,51%
- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	40,31%	29,49%
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Tổng Tài sản/Tổng nợ phải trả	Lần	1,68	1,42
2.2 Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	1,45	1,22
2.3 Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	0,17	0,04
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Lợi nhuận / doanh thu			
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	0,56%	1,31%
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	0,47%	0,94%
3.2 Lợi nhuận / Tổng Tài sản			
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,52%	1,43%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,44%	1,03%
3.3 Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	%	1,08%	3,50%

5. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội - CPA Hà Nội kiểm toán. Số liệu được phân loại lại cho phù hợp với số liệu kỳ này.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thị Mộng Duyên

Vương Thị Bảo Giang

Nguyễn Minh Quang



Phụ lục 1:

08. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu năm	20.144.960.395	54.638.457.653	12.484.341.852	627.522.158	777.692.540	88.672.974.598
Số tăng trong năm	181.748.500	684.264.882	-	-	-	866.013.382
- Đầu tư XCDB hoàn thành	181.748.500	684.264.882				866.013.382
Số giảm trong năm	49.918.095	856.645.588	1.557.133.968	-	30.419.091	2.494.116.742
- Thanh lý, nhượng bán	49.918.095	856.645.588	1.557.133.968		30.419.091	2.494.116.742
Số dư cuối năm	20.276.790.800	54.466.076.947	10.927.207.884	627.522.158	747.273.449	87.044.871.238
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	11.007.229.333	43.701.541.846	10.593.090.486	627.522.158	343.595.419	66.272.979.242
Số tăng trong năm	602.710.083	2.770.354.879	388.461.457	-	53.029.676	3.814.556.095
- Khấu hao trong năm	602.710.083	2.770.354.879	388.461.457		53.029.676	3.814.556.095
Số giảm trong năm	49.918.095	856.645.588	1.555.800.927	-	30.419.091	2.492.783.701
- Thanh lý, nhượng bán	49.918.095	856.645.588	1.555.800.927		30.419.091	2.492.783.701
Số dư cuối năm	11.560.021.321	45.615.251.137	9.425.751.016	627.522.158	366.206.004	67.594.751.636
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	9.137.731.062	10.936.915.807	1.891.251.366	-	434.097.121	22.399.995.356
Tại ngày cuối năm	8.716.769.479	8.850.825.810	1.501.456.868	-	381.067.445	19.450.119.602

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2016 đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng: 40.046.967.149 VND.

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2016 đem cầm cố, thế chấp: 10.742.724.730 VND.

Phụ lục 2:

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Các khoản đầu tư tài chính	10.089.265.685	(225.230.885)	9.864.034.800	10.089.265.685	(1.628.418.352)	8.460.847.333
Đầu tư cổ phiếu						
Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư thương mại dịch vụ du lịch Điện Lực	300.000.000		300.000.000	300.000.000		300.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP An Bình	9.789.265.685	(225.230.885)	9.564.034.800	9.789.265.685	(1.628.418.352)	8.160.847.333
Cộng	10.089.265.685	(225.230.885)	9.864.034.800	10.089.265.685	(1.628.418.352)	8.460.847.333

Phụ lục 3:

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	112.885.341.721	112.885.341.721	199.391.482.883	245.135.496.763	158.629.355.601	158.629.355.601
- Vay Ngân hàng	112.885.341.721	112.885.341.721	199.391.482.883	245.135.496.763	158.629.355.601	158.629.355.601
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Sài Gòn	54.460.791.847	54.460.791.847	91.213.509.904	85.094.057.062	48.341.339.005	48.341.339.005
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thủ Đức	-	-		46.517.397.127	46.517.397.127	46.517.397.127
+ Ngân hàng TMCP Đại Á - PGD Nguyễn Thị Định	29.219.863.869	29.219.863.869	54.178.983.049	48.960.462.535	24.001.343.355	24.001.343.355
+ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - SGD I	-	-	971.670.451	8.194.473.122	7.222.802.671	7.222.802.671
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thủ Đức	-	-	10.929.963.800	10.929.963.800		-
+ Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Lê Văn Sỹ	-	-		9.048.661.956	9.048.661.956	9.048.661.956
+ Ngân hàng TMCP Vietbank - PGD Đầm Sen	29.204.686.005	29.204.686.005	42.097.355.679	36.390.481.161	23.497.811.487	23.497.811.487
Vay dài hạn	1.280.753.050	1.280.753.050	-	360.962.000	1.641.715.050	1.641.715.050
+ Ngân hàng TMCP Vietbank - PGD Đầm Sen	1.280.753.050	1.280.753.050		360.962.000	1.641.715.050	1.641.715.050
Cộng	114.166.094.771	114.166.094.771	199.391.482.883	245.496.458.763	160.271.070.651	160.271.070.651

+ Thuyết minh các hợp đồng vay:

	Số hợp đồng và ngày hợp đồng	Số tiền vay, hạn mức vay và lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Số dư tại ngày 31/12/2016	Hình thức bảo đảm tài sản
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Sài Gòn	Hợp đồng số 142/2015-HỆTDHM/NHCT94 6-CODIEN ngày 16/07/2015	55.000.000.000 đồng. LS: được quy định cho từng KUNN	Thời hạn duy trì HMTD đến hết ngày 07/07/2016; Thời hạn trả nợ theo từng giấy nhận nợ: không quá 9 tháng.	Bổ sung vốn lưu động thực hiện hoạt động kinh doanh của công ty	54.460.791.847	Thế chấp tài sản
+ Ngân hàng TMCP Đại Á - PGD Nguyễn Thị Định	Hợp đồng số 2424TT/15/HỆTDH M-DN/169 ngày 16/07/2015	30.000.000.000 đồng, LS: được quy định cụ thể trong từng KUNN	Thời hạn hiệu lực của HMTD: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn trả nợ mỗi lần giải ngân theo từng KUNN.	Bổ sung vốn lưu động chế tạo máy biến áp, chế tạo phụ tùng cho các nhà máy điện	29.219.863.869	Thế chấp tài sản
+ Ngân hàng TMCP Vietbank - PGD Đầm Sen	Hợp đồng số PDS.DN.01060116 ngày 21/04/2016	30.000.000.000 đồng. LS: được quy định KUNN	Thời hạn hiệu lực HMTD: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn trả nợ mỗi lần giải ngân không quá 09 tháng.	Bổ sung vốn lưu động	29.204.686.005	Thế chấp tài sản
Vay dài hạn						
+ Ngân hàng TMCP Vietbank - PGD Đầm Sen	Hợp đồng số PDS.DN.01150115 ngày 15/01/2015	20.000.000.000 đồng. LS: được quy định KUNN	84 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng	Mua sắm máy móc và thiết bị	1.280.753.050	Thế chấp tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Km9, Xa lộ Hà Nội, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Phụ lục 4:

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.730.000.000		1.652.689.834		4.536.031.787	86.918.721.621
- Tăng vốn năm trước						-
- Lãi trong năm trước					3.007.210.647	3.007.210.647
- Trích lập các quỹ						-
- Tăng khác						-
- Lỗ trong năm						-
- Chi trả cổ tức					(4.036.500.000)	(4.036.500.000)
- Giảm khác					(227.893.456)	(227.893.456)
Số dư đầu năm nay	80.730.000.000	-	1.652.689.834	-	3.278.848.978	85.661.538.812
- Tăng vốn trong năm	34.000.000.000	1.268.427.273				35.268.427.273
- Lãi trong năm					1.296.401.247	1.296.401.247
- Trích lập các quỹ			936.000.000			936.000.000
- Tăng khác						-
- Lỗ trong năm						-
- Phân phối lợi nhuận					(2.812.950.000)	(2.812.950.000)
- Cổ tức						-
- Giảm khác (*)					(499.763.180)	(499.763.180)
Số cuối năm	114.730.000.000	1.268.427.273	2.588.689.834	-	1.262.537.045	119.849.654.152

(*) - Truy thu thuế GTGT và thuế TNDN các năm trước theo QĐ 2938/QĐ-CTXP ngày 26 tháng 08 năm 2016 của cục thuế TP Hồ Chí Minh.